

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI I – HÀ TĨNH



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
CỬA HÀNG XE MÁY PHÚ TÀI ĐỨC 5 TẠI THỊ TRẤN CẨM  
XUYÊN, HUYỆN CẨM XUYÊN, TỈNH HÀ TĨNH



*Hà Tĩnh, Năm 2024*

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI I-HÀ TỈNH

-----\*~\*~\*-----

# BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỬA CỬA HÀNG XE MÁY PHỤ TÀI ĐỨC 5 TẠI THỊ TRẤN CẨM  
XUYÊN, HUYỆN CẨM XUYÊN, TỈNH HÀ TĨNH

CHỦ CƠ SỞ  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
THƯƠNG MẠI I-HÀ TỈNH  
GIÁM ĐỐC KHÓI XE MÁY



Đặng Vũ Long

ĐƠN VỊ TƯ VẤN  
CÔNG TY TNHH  
MÔI TRƯỜNG HÀ TĨNH  
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Tú

Hà Tĩnh, năm 2024

## **MỤC LỤC**

Chương I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	5
1.1. Tên chủ cơ sở: .....	5
1.2. Tên cơ sở: .....	5
1.3. Quy mô, công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở:.....	6
Chương II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....	14
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường .....	14
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường .....	15
Chương III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	17
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	17
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:.....	20
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:.....	21
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn nguy hại: .....	23
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:.....	23
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: .....	24
3.7. Các nội dung thay đổi so với Kế hoạch bảo vệ môi trường: .....	26
Chương IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG .....	27
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải .....	27
Chương V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	29
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải .....	30
CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	31
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải .....	31
6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.....	31
CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ .....	33
Chương VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	34
PHỤ LỤC BÁO CÁO .....	36

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

BVMT:	Bảo vệ môi trường
CBCN:	Cán bộ công nhân
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
CN:	Chăn nuôi
CTNT:	Chất thải nguy hại
CTR:	Chất thải rắn
CTSH:	Chất thải sinh hoạt
ĐTM:	Đánh giá tác động môi trường
GPMB:	Giải phóng mặt bằng
KH&KT:	Khoa học và kỹ thuật
KTMT:	Kỹ thuật môi trường
KT-XH:	Kinh tế - xã hội
MT:	Môi trường
NXB:	Nhà xuất bản
PCCC:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN:	Quy chuẩn Việt Nam
XLNT:	Xử lý nước thải
TCVN:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TN&MT:	Tài nguyên và Môi trường
TNMT:	Tài nguyên môi trường
UBND:	Ủy ban nhân dân
VLXD:	Vật liệu xây dựng
WHO:	Tổ chức Y tế Thế giới
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn

**DANH MỤC CÁC BẢNG**

Bảng 1.1. Nguyên liệu sử dụng trong cơ sở .....	8
Bảng 1.2. Bảng thống kê các phòng chức năng .....	10
Bảng 1.3. Danh mục dụng cụ thiết bị máy móc tại cơ sở.....	12
Bảng 3.1. Danh mục các hạng mục xử lý nước thải tại cơ sở .....	20
Bảng 3.2. Khối lượng chất thải nguy hại.....	23
Bảng 4.1. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm .....	28
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý năm 2024.....	30

## **DANH MỤC HÌNH**

Hình 1.1: Vị trí của Cơ sở .....	5
Hình 1.2. Sơ đồ quy trình hoạt động kinh doanh tại Cơ sở.....	6
Hình 1.3. Sơ đồ quy trình bảo hành, bảo dưỡng xe máy .....	7
Hình 1.4. Tổng quan của cơ sở.....	11
Hình 1.5. Khu vực trưng bày bán hàng .....	11
Hình 1.6. Khu vực dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng .....	12
Hình 3.1. Sơ đồ thoát nước mưa tại Cơ sở .....	17
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải tại Cơ sở.....	17
Hình 3.3. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại .....	18
Hình 3.4. Công trình xử lý nước thải tại Cơ sở.....	19
Hình 3.5. Công trình thu gom khí thải từ hoạt động sửa chữa xe máy .....	20
Hình 3.6. Các thùng chứa rác đã được bố trí tại Cơ sở .....	22
Hình 3.7. Công trình lưu giữ CTNH tại Cơ sở.....	24
Hình 3.8. Các công trình PCCC tại Cơ sở.....	25

## Chương I

### THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

#### 1.1. Tên chủ cơ sở:

Công ty cổ phần Thương mại I - Hà Tĩnh

- Địa chỉ: Số 15 Trần Phú, phường Trần Phú, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện: Ông Bùi Văn Hương; Chức vụ: Giám đốc

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Vũ Long – Giám đốc khối xe máy.

- Điện thoại: 02393.855.489; Email: [phaply.ptd@gmail.com](mailto:phaply.ptd@gmail.com).

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số: 3000353850 do phòng Đăng ký doanh nghiệp – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 13/04/2005, thay đổi lần thứ 13 ngày 26/06/2023.

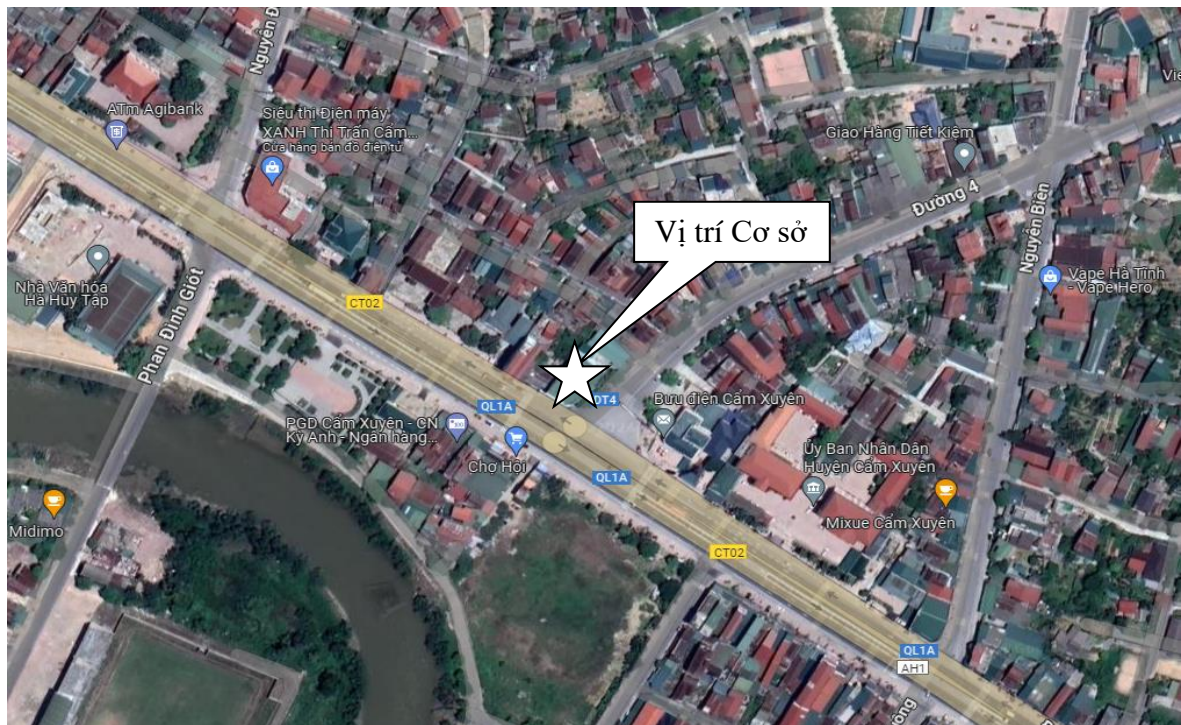
#### 1.2. Tên cơ sở:

**Cửa hàng xe máy Phú Tài Đức 5 tại thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh**

##### 1.2.1. Địa điểm cơ sở:

Cơ sở được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích 229,7m<sup>2</sup> thuộc Tổ dân phố 13, thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh. Khu đất có các vị trí tiếp giáp như sau:

- + Phía Bắc: Giáp hộ dân;
- + Phía Nam: Giáp đường Hà Huy Tập (Quốc lộ 1A);
- + Phía Đông: Giáp đường Nguyễn Biên;
- + Phía Tây: Giáp hộ dân.



**Hình 1.1: Vị trí của Cơ sở**

**1.2.2. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của cơ sở:**

- Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 124/GXN-UBND của UBND huyện Cẩm Xuyên cấp ngày 17/01/2019.

- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 42.000264.T được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 18/03/2019.

**1.2.3. Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):**

Cửa hàng xe máy Phú Tài Đức 5 tại thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh có tổng mức đầu tư là 6,1 tỷ đồng, do đó theo luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019 thì dự án thuộc nhóm C.

**1.3. Quy mô, công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở:**

**1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:**

\* Lĩnh vực hoạt động chính:

- Cửa hàng trưng bày, cung cấp xe máy, phụ tùng, phụ kiện xe máy Honda chính hãng.

- Cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo hành và bảo dưỡng xe máy.

\* Công suất hoạt động:

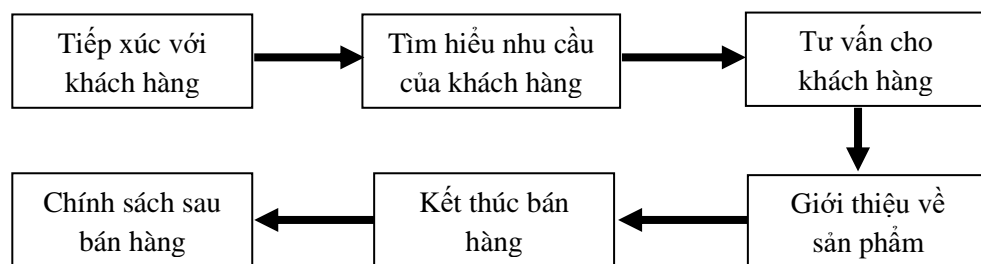
- Tổng số lượng xe bán ra hằng năm: Khoảng 900 xe/năm.

- Quy mô dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa tối đa: Khoảng 8.500 lượt xe/năm.

*(Theo báo cáo tình hình hoạt động của cơ sở các năm gần đây)*

**1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở**

a. Quy trình kinh doanh của cửa hàng:



**Hình 1.2. Sơ đồ quy trình hoạt động kinh doanh tại Cơ sở**

Thuyết minh quy trình:

Bước 1: Tiếp xúc với khách hàng

Tiếp xúc với khách hàng là bước đầu tiên mà nhân viên công ty đem thông tin của sản phẩm đến với khách hàng. Ấn tượng ban đầu của khách hàng về nhân viên bán



hàng cũng vô cùng quan trọng, nó quyết định việc khách hàng có muốn tiếp tục tìm hiểu về sản phẩm của công ty hay không. Vì vậy khi khách hàng đến cửa hàng nhân viên bán hàng của công ty luôn cố gắng tạo được ấn tượng tốt, tạo không khí cởi mở thông qua các kỹ năng như: chủ động chào hỏi gây thiện cảm với khách hàng, mời khách uống nước, trò chuyện.

#### Bước 2: Tìm hiểu nhu cầu khách hàng

Trong cuộc trò chuyện với khách hàng, nhân viên bán hàng của công ty sẽ hỏi thăm qua về đời sống của khách hàng. Sau đó nhân viên sẽ đặt câu hỏi về mức tài chính của khách hàng, mục đích sử dụng phương tiện, thời gian sử dụng...

#### Bước 3: Tư vấn cho khách hàng

Tư vấn cho khách hàng là bước quan trọng đối với nhân viên bán hàng. Ở bước này nhân viên bán hàng của công ty sẽ vận dụng tất cả những nghiệp vụ bán hàng được đào tạo để cùng khách hàng giải đáp những thắc mắc về sản phẩm. Lắng nghe và giải đáp thắc mắc của khách hàng. Bên cạnh đó nhân viên bán hàng cũng sẽ tư vấn cho khách hàng nên sử dụng loại sản phẩm gì trong môi trường như thế nào.

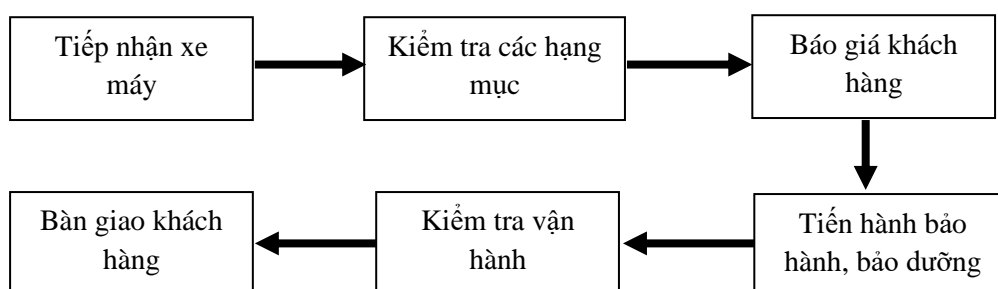
#### Bước 4: Giới thiệu sản phẩm

Sau khi khách hàng đã lựa chọn được sản phẩm phù hợp với nhu cầu thì nhân viên bán hàng sẽ vận dụng tất cả những hiểu biết của mình về sản phẩm để giới thiệu những đặc tính cơ bản của sản phẩm. Nhân viên của công ty sẽ nêu rõ các đặc điểm, giá thành, tác dụng của sản phẩm sẽ mang đến cho khách hàng.

#### Bước 5: Kết thúc bán hàng

Sau khi khách hàng lựa chọn được sản phẩm, nhân viên bán hàng của công ty sẽ tiến hành các thỏa thuận liên quan đến hoạt động mua bán sản phẩm. Lúc này nhân viên của công ty sẽ đưa ra các đề nghị và cùng khách hàng thương lượng với nhau về các vấn đề về số lượng, giá cả, phương tiện vận chuyển, bốc xếp, thời gian giao hàng và các điều kiện liên quan đến giao nhận hàng. Ngoài ra nhân viên còn trao đổi với khách hàng về hình thức nhận hàng, các chế độ về bảo hành sản phẩm, hướng dẫn vận hành phương tiện...

#### *b. Quy trình bảo dưỡng, sửa chữa xe máy:*



**Hình 1.3. Sơ đồ quy trình bảo hành, bảo dưỡng xe máy**

Thuyết minh quy trình:

Là đại lý ủy quyền kinh doanh các sản phẩm xe máy Honda, cửa hàng thực hiện bảo hành bảo dưỡng các dòng xe Honda chính hãng.

Khách hàng có nhu cầu bảo dưỡng, sửa chữa xe máy chính hãng trực tiếp mang xe đến cửa hàng, tại đây nhân viên chăm sóc khách hàng thu thập thông tin khách hàng, tìm hiểu mục đích khách hàng (sửa chữa hay bảo dưỡng) sau đó gửi thông tin và bàn giao xe cho bộ phận kỹ thuật. Đơn vị kỹ thuật kiểm tra hạng mục sửa chữa, bảo dưỡng gửi thông tin cho bộ phận kế toán, kế toán đơn vị tổng hợp dự toán chi phí báo giá cho khách hàng.

Khách hàng lựa chọn các hạng mục, thống nhất chi phí và phương án sửa chữa và ký vào phiếu sửa chữa. Đội kỹ thuật thực hiện sửa chữa, công tác sửa chữa được thực hiện đồng bộ theo dây chuyền, mỗi bộ phận thực hiện sửa chữa một chức năng nhất định và cùng thực hiện sau đó tiến hành lắp xe, thử xe và bàn giao cho bộ phận kế toán để thanh toán.

Khách hàng thanh toán, nhận xe và kết thúc quy trình bảo hành, sửa chữa.

**1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:**

**1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu**

Cơ sở sử dụng nguyên vật liệu gồm dầu nhớt, mỡ bôi trơn... với tổng khối lượng sử dụng trong tháng thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 1.1. Nguyên liệu sử dụng trong cơ sở**

<b>TT</b>	<b>Loại máy</b>	<b>Số lượng</b>
1	Dầu máy	5 lít/tháng
2	Dầu làm sạch chi tiết máy	2 lít/tháng
3	Các loại phụ tùng xe	20 kg/tháng
4	Bình ắc quy	5kg/tháng

*(Nguồn: Tổng hợp nhu cầu thực tế tại Cơ sở)*

**1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện:**

- Nguồn điện: Nguồn cung cấp điện cho Cơ sở lấy từ đường dây hạ thế trong khu vực.

- Nhu cầu sử dụng điện: Nhu cầu sử dụng điện hiện tại tại Cơ sở trung bình khoảng 1.000kW/tháng (*theo hóa đơn tiền điện của Cơ sở*).

**1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước:**

- Nguồn nước: Nước cấp cho Cơ sở được lấy từ hệ thống cấp nước thị trấn Cẩm Xuyên, cấp vào bể chứa dự trữ trên mái và từ bể trên mái nhà cấp xuống cho các thiết bị dùng nước. Cơ sở không sử dụng nước ngầm.

- Nhu cầu sử dụng nước bao gồm: Nước dùng cho sinh hoạt của cán bộ, nhân viên làm việc tại cửa hàng và nước dùng cho dịch vụ sửa chữa, rửa xe, vệ sinh sàn với nhu cầu trung bình khoảng 30m<sup>3</sup>/tháng tương đương với 1,0m<sup>3</sup>/ngày (theo hóa đơn tiền nước của Cơ sở). Trong đó, nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt khoảng 0,5m<sup>3</sup>/ngày, nước dùng cho dịch vụ sửa chữa, rửa xe, vệ sinh sàn khoảng 0,5m<sup>3</sup>/ngày.

#### **1.4.4. Nhu cầu sử dụng hóa chất**

- Hóa chất tẩy rửa khu vực văn phòng, chất tẩy rửa, vệ sinh bồn cầu, sàn nhà: Hóa chất làm sạch gốc axit (như: Hóa chất rửa bồn cầu nhu cầu khoảng 0,2 lít/tháng, hóa chất lau sàn nhu cầu khoảng 1 lít/tháng). Các loại hóa chất này khi được sử dụng sẽ lựa chọn thương hiệu uy tín như Vim, Gift, Duck,...

### **1.5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở**

#### **1.5.1. Pháp lý cơ sở**

- Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 124/GXN-UBND của UBND huyện Cẩm Xuyên cấp ngày 17/01/2019.

- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 42.000264.T được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 18/03/2019.

- Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 02/2021/HĐTD ngày 02/01/2021 giữa Công ty CP Thương mại I – Hà Tĩnh và ông Trương Quốc Tịnh, bà Nguyễn Thị Ngọc.

- Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 03/2021/HĐTD ngày 02/01/2021 giữa Công ty CP Thương mại I – Hà Tĩnh và ông Phan Trung Kiên, bà Ngô Thị Tuyết.

#### **1.5.2. Thông tin cơ sở**

Cửa hàng xe máy Phú Tài Đức 5 được xây dựng và đi vào hoạt động từ năm 2019, mục đích cửa hàng kinh doanh các sản phẩm xe máy của hãng Honda, đồng thời cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng chính hãng của công ty Honda.

Cửa hàng được thiết kế 2 tầng, tầng 1 gồm khu vực trưng bày, khu sửa chữa xe máy. Tầng 2 là khu vực nhà kho chứa xe máy, chứa linh kiện phục vụ bảo hành bảo dưỡng xe máy. Các tầng nhà liên kết với nhau bằng thang bộ và thang tời hàng.

Theo quy định của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022 thì Cơ sở thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường.

Cửa hàng xe máy Phú Tài Đức 5 là dự án nhóm III theo quy định tại Thứ tự số 2 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ. Cơ sở đã đi vào hoạt động chính thức từ năm 2018 do đó Báo cáo được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục XII kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 41 của Luật bảo vệ môi trường năm 2020 thì thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường cho Cơ sở là UBND huyện Cẩm Xuyên.

### **1.5.3. Các hạng mục công trình của Cơ sở**

Cơ sở được xây dựng trên khu đất có diện tích 229,7m<sup>2</sup> thuộc Tổ dân phố 13, thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh. Công ty CP Thương mại I – Hà Tĩnh đã thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng số 03/2021/HĐTD ngày 02/01/2021 và hợp đồng số 02/2021/HĐTD ngày 02/01/2021 (*Hợp đồng thuê nhà đính kèm phụ lục Báo cáo*). Hiện tại các hạng mục của Cơ sở đã được xây dựng hoàn thiện và đi vào hoạt động từ năm 2019.

- Diện tích xây dựng: 229,7m<sup>2</sup>
- Diện tích sàn: 459,4m<sup>2</sup>
- Số tầng cao: 2 tầng.

**Bảng 1.2. Bảng thống kê các phòng chức năng**

<b>STT</b>	<b>Tên phòng</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>
<b>I</b>	<b>Tầng 1</b>	<b>229,7</b>
1	Khu trưng bày	145,8
2	Kho phụ tùng	32,4
3	Khu vực dịch vụ	25,1
4	Phòng thợ chờ	6,4
5	Khu vệ sinh	6,0
6	Thang tời hàng	4,0
7	Khu rửa xe	6,0
8	Kho chất thải	4,0
<b>II</b>	<b>Tầng 2</b>	<b>229,7</b>
1	Kho xe	154,3
2	Kho phụ tùng 2	32,4
3	Phòng họp	15,0
4	Phòng nghỉ nhân viên 1	12,0
5	Phòng nghỉ nhân viên 2	12,0
6	Thang tời hàng	4,0

*(Theo đo đạc và khảo sát hiện trạng)*

Cửa hàng xe máy Phú Tài Đức 5 được xây dựng với 01 toà nhà chính 02 tầng với công năng gồm cửa hàng trưng bày và bán xe máy, lưu trữ xe máy và phụ tùng, dịch vụ sửa chữa xe máy, thay thế linh kiện.



**Hình 1.1. Tổng quan của cơ sở**

+ Khu trưng bày và bán hàng: Được thiết kế thông thoáng gồm một phòng lớn để trưng bày diện tích 145,8m<sup>2</sup>, nền lát gạch men, tại đây sắp xếp các mẫu xe máy để thuận tiện cho việc quan sát, so sánh. Xung quanh phòng được thiết kế tường kính cường lực để dễ quan sát từ bên ngoài. Phòng trưng bày bố trí một bàn dài là chỗ làm việc của nhân viên kế toán, nhân viên bán hàng, giao dịch hồ sơ.



**Hình 1.2. Khu vực trưng bày bán hàng**

+ Khu vực dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng: nằm bên cạnh khu vực trưng bày và được ngăn cách riêng biệt, khu vực dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng được trang bị các trang thiết bị phục vụ sửa chữa, thay thế linh kiện gồm bàn nâng, hệ thống ống dẫn khí nén, giá đặt dụng cụ, quạt điện treo.



**Hình 1.3. Khu vực dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng**

+ Khu vực kho chứa xe máy: Được bố trí tại tầng 2 khu nhà, mặt bằng lớn chứa được lượng xe máy nhất định, xe máy khu vực tầng 1 và 2 được liên kết bằng hệ thống thang tời hàng chạy bằng điện.

+ Khu vực kho chứa: Sử dụng chứa các chi tiết, bộ phận thay thế sửa chữa xe máy.

#### **5.3.4. Máy móc sử dụng tại cơ sở**

Cơ sở sử dụng các máy móc thiết bị sau phục vụ hoạt động kinh doanh, dịch vụ bao gồm:

**Bảng 1.3. Danh mục dụng cụ thiết bị máy móc tại cơ sở**

<b>TT</b>	<b>Thiết bị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Nơi sản xuất</b>
1	Bàn nâng	7	Việt Nam
2	Quạt điện cơ	5	Việt Nam
3	Dụng cụ sửa chữa xe	280	Việt Nam
4	Máy vi tính	5	Việt Nam
5	Máy điều hòa	4	Việt Nam
6	Thang nâng	1	Việt Nam
7	Máy nắn khung càn	1	Việt Nam
8	Máy vệ sinh kim phun	1	Trung Quốc
9	Máy vệ sinh buồng đốt	1	Việt Nam

*(Nguồn: Tổng hợp của Cơ sở)*

**1.5.2. Tổ chức quản lý, vận hành**

- Hình thức quản lý và vận hành: Công ty cổ phần Thương mại I – Hà Tĩnh trực tiếp quản lý thực hiện và vận hành.

- Tổng số cán bộ, công nhân viên làm việc tại Cơ sở là 12 người.

- Nguồn lao động: Việc tuyển chọn cán bộ quản lý theo hướng có trình độ đại học, chuyên môn cao. Đào tạo thêm tay nghề cho cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, công nhân.

## **Chương II**

### **SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

#### **2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường**

- Quy hoạch BVMT Quốc gia:

Hiện nay, Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang ở trong giai đoạn dự thảo, do đó nội dung này chưa đủ cơ sở đánh giá tại thời điểm lập báo cáo.

- Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh:

Tại Quyết định 1786/QĐ-TTg ngày 27/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó định hướng phát triển về thương mại và dịch vụ có chỉ ra “Phát triển nhanh lĩnh vực thương mại và dịch vụ trở thành ngành kinh tế quan trọng và hỗ trợ các ngành, lĩnh vực khác phát triển, đặc biệt là thúc đẩy thương mại với Lào, các tỉnh vùng đông Bắc Thái Lan, Trung Quốc và các nước trong khối ASEAN”.

Dự án phù hợp với Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thông qua Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (hiện đang trình Thủ tướng Chính phủ) tại mục 3 điều 2: Phát triển các ngành dịch vụ nhanh, hiệu quả, bền vững, đảm bảo các dịch vụ cơ bản với chất lượng ngày càng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Về quy hoạch sử dụng đất: Khu đất xây dựng Cơ sở có diện tích 229,7m<sup>2</sup> thuộc Tổ dân phố 13, thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh. Công ty CP Thương mại I – Hà Tĩnh đã thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng số 03/2021/HĐTD ngày 02/01/2021 và hợp đồng số 02/2021/HĐTD ngày 02/01/2021. Vị trí của khu đất phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030 huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt tại Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 và phù hợp với Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Cẩm Xuyên đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 04/03/2024.

- Cơ sở là loại hình đầu tư dịch vụ phù hợp với phát triển tính chất đô thị là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội của huyện. Tập trung thu hút đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, phát triển thương mại dịch vụ, làm điểm đến cho vùng huyện. Xây



dựng thị trấn Cẩm Xuyên là trung tâm cho các vùng phát triển trong huyện, là đầu mối cho du khách thập phương.

Như vậy, Dự án phù hợp với các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch về đất đai, các quy hoạch đầu tư xây dựng hạ tầng khác có liên quan. Cơ sở góp phần kích hoạt nền công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ của Hà Tĩnh phát triển, giúp người dân tiếp cận với những sản phẩm phục vụ nhu cầu của sản xuất và đời sống hàng ngày.

## **2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường**

\* Đối với môi trường nước:

- Nước thải phát sinh tại Cơ sở là nước thải sinh hoạt và nước thải từ khu vực bảo dưỡng, sửa chữa và rửa xe tổng lưu lượng phát sinh bằng 100% lượng nước cấp. Như vậy, theo nhu cầu sử dụng nước ở Chương 1 thì lưu lượng nước thải lớn nhất phát sinh tại Cơ sở là: 1,0m<sup>3</sup>/ngày đêm (trong đó, nước thải sinh hoạt khoảng 0,5m<sup>3</sup>/ngày, nước thải từ khu vực bảo dưỡng, sửa chữa và rửa xe khoảng 0,5m<sup>3</sup>/ngày).

- Thành phần, thông số ô nhiễm chính:

+ Nước thải sinh hoạt chủ yếu từ quá trình đào thải của con người. Thành phần của nước thải sinh hoạt chứa chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD/COD), các hợp chất (N, P), dầu mỡ và các vi sinh vật.

+ Nước thải từ khu vực bảo dưỡng, sửa chữa và rửa xe. Trong loại nước thải này có chứa nhiều hoá chất như xà phòng, chất tạo bọt, dung môi, dầu nhớt, ngoài ra còn có cặn lơ lửng từ bánh xe, gầm xe,...

- Nước thải của Cơ sở sau khi xử lý được đầu nối vào mương thoát nước chung của khu vực và đổ về nguồn tiếp nhận là sông Lạc Giang đoạn chảy qua địa phận thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh. Sông Lạc Giang cách Cơ sở khoảng 120m về phía Tây Nam có chức năng chính là tưới tiêu nông nghiệp và tiêu thoát nước cho khu vực (không sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt).

Nước thải sinh hoạt được thu gom về bể tự hoại của cơ sở trước khi thải ra nguồn tiếp nhận, nước thải từ hoạt động rửa xe được thu gom bằng bể tách dầu mỡ 3 ngăn trước khi thải ra hệ thống thoát nước khu vực lưu lượng nước thải ước tính 1,0m<sup>3</sup>/ngày đêm, lưu lượng nước thải phát sinh tại cơ sở tương đối nhỏ do vậy hoàn toàn không làm ảnh hưởng đến khả năng tiếp nhận của sông Lạc Giang.

\* Về môi trường không khí: Hiện trạng môi trường không khí khu vực cơ sở chưa bị ô nhiễm. Trong quá trình hoạt động, cơ sở có phát sinh lượng khí thải từ các phương tiện xe máy khi sửa chữa tuy nhiên cơ sở đã có các công trình biện pháp thu gom xử lý khí thải, do đó môi trường không khí tại cơ sở hoàn toàn có thể chịu tải được.

\* Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường được đơn vị thỏa thuận thu gom với đơn vị thu gom địa phương thu gom vận chuyển xử lý tại khu vực khác, khối lượng rác thải tại cơ sở không lớn nên không ảnh hưởng đến khả năng thu gom rác thải khu vực.

\* Đối với chất thải nguy hại, các cơ sở hoạt động trong cơ sở đều có hợp đồng với đơn vị đủ điều kiện thực hiện, định kỳ đến thu gom mang đi xử lý theo đúng quy định về bảo vệ môi trường.

Như vậy, nhìn chung cơ sở đặt tại vị trí này là phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

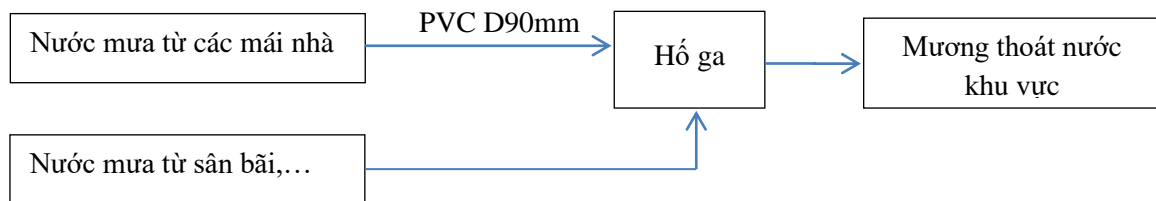
### Chương III

## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

#### 3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước mưa trong khuôn viên Cơ sở được tách riêng với các hệ thống dẫn nước thải. Nước mưa chảy tràn của Cơ sở được thu gom bằng hệ thống mương dẫn và dẫn ra mương thoát nước chung của khu vực theo sơ đồ dưới đây:

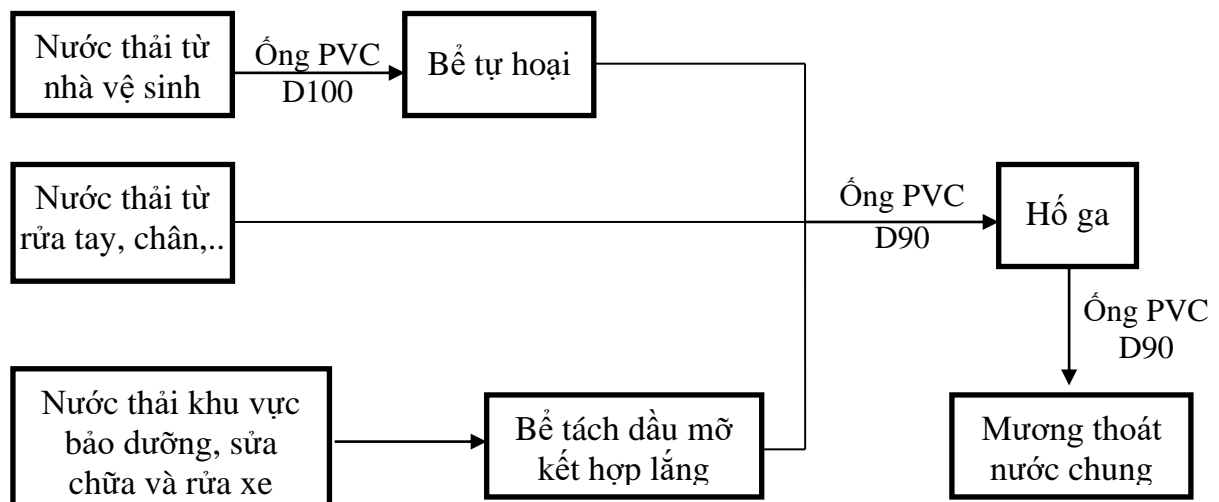


**Hình 3.1. Sơ đồ thoát nước mưa tại Cơ sở**

Nước mưa trên mái nhà được thu gom bằng ống thoát nước PVC D90mm xuống mương thoát nước chung khu vực.

Nước mưa khu vực vỉa hè, lề đường trên các nền đã được lát gạch, bê tông hóa thoát theo độ dốc về miệng cống thoát nước khu vực dọc tuyến đường Thiên Cẩm và theo hướng thoát nước của khu vực đổ về sông Lạc Giang.

#### 3.1.2. Thu gom, thoát nước thải:



**Hình 3.2. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải tại Cơ sở**

\* *Nước thải sinh hoạt:*

- Nước thải phát sinh từ quá trình đào thải của con người (phân, nước tiểu) được thu gom về 01 bể tự hoại ba ngăn đặt ngầm dưới công trình để xử lý bằng phương pháp phân hủy kỵ khí. Sau đó được dẫn bằng hệ thống đường ống nhựa PVC D90mm, dài

6,0m dẫn vào hố ga lắng cặn gần khu vực rửa xe.

- Nước thải sinh hoạt từ việc rửa tay chân, lau sàn,... được thu gom bằng hệ thống đường ống nhựa PVC D90mm, dài 6,0m dẫn vào hố ga lắng cặn gần khu vực rửa xe. Tại hố ga này nước thải được lắng các cặn bẩn trước khi thải ra môi trường.

*\* Nước thải khu vực bảo dưỡng, sửa chữa và rửa xe:*

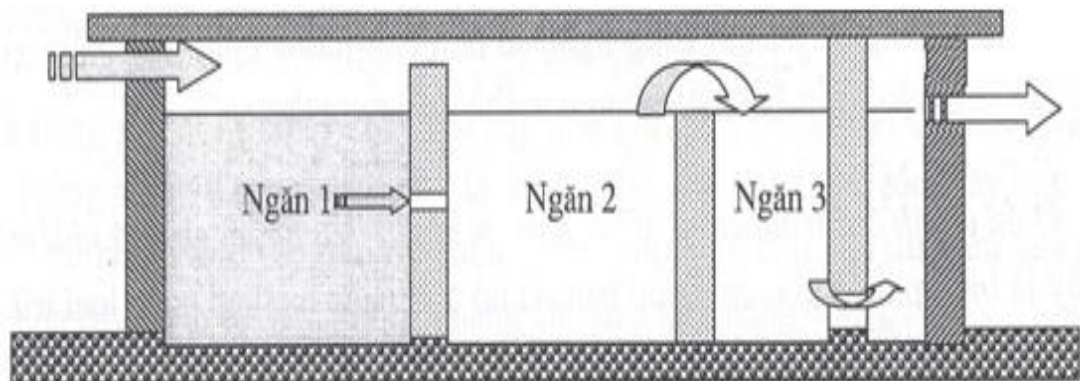
Nước thải từ khu vực bảo dưỡng, sửa chữa xe phát sinh do nước rửa tay chân của công nhân sau khi sửa chữa, bảo dưỡng xe và nước thải từ quá trình rửa xe. Các loại nước thải này chỉ phát sinh ở khu vực sửa xe và được dẫn trực tiếp xuống Bể tách dầu mỡ kết hợp lắng được bố trí ngầm ở khu vực rửa xe để xử lý, sau đó dẫn vào hố ga bằng đường ống nhựa PVC D90mm nhập với nước thải sinh hoạt và thải ra mương thoát nước chung của khu vực chạy dọc tuyến đường Thiên Cẩm bằng tuyến đường ống PVC D90mm dài 12m.

Tọa độ điểm xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ): X(m) = 2018 721; Y(m) = 0552 721.

### **3.1.3. Xử lý nước thải:**

#### *a. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:*

Lượng nước thải phát sinh từ các khu nhà vệ sinh được dẫn vào bể tự hoại ba ngăn để xử lý bằng phương pháp phân hủy kỵ khí. Hiện tại, Công ty đã xây dựng 01 bể tự hoại ba ngăn với thể tích là  $7,5m^3$  đặt ngầm dưới công trình. Kích thước của bể tự hoại là: 2,5m x 2,0m x 1,5m.



**Hình 3.3. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại**

*Nguyên tắc làm việc của bể tự hoại:*

Bể tự hoại gồm có 3 ngăn, ngăn thứ nhất có vai trò lắng - lên men kỵ khí, đồng thời điều hoà lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải vào. Ngăn tiếp theo là ngăn lên men axit, tiếp đến là ngăn lên men kiềm. Nhờ các vách ngăn hướng dòng ở những ngăn này mà nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn, các chất bẩn được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hoá thành  $CO_2$ ,  $H_2O$ ,  $CH_4$ ,  $H_2S$ . Ngăn cuối cùng là ngăn lọc kỵ khí, có tác dụng làm sạch bề

sung nước thải, nhờ các vi sinh vật kỵ khí gắn bám trên bề mặt của các hạt vật liệu lọc (than xi...) và ngăn chặn lơ lửng trôi ra theo nước.

Nước thải sau bể tự hoại sẽ cùng với nước rửa chân tay được dẫn vào hố ga gần khu vực rửa xe để tiếp tục được xử lý cùng với nước thải từ khu vực bảo dưỡng, sửa chữa và rửa xe trước khi thải ra môi trường.

*b. Công trình xử lý nước thải từ khu vực bảo dưỡng, sửa chữa và rửa xe:*

Nước thải từ khu vực bảo dưỡng, sửa chữa xe phát sinh bao gồm nước rửa tay chân của công nhân sau khi sửa chữa, bảo dưỡng xe và nước thải từ quá trình rửa xe với lưu lượng khoảng 0,5m<sup>3</sup>/ngày. Toàn bộ lượng nước thải này phát sinh ở phòng rửa xe được dẫn về Bể tách dầu mỡ kết hợp lắng lọc 3 ngăn được bố trí ngầm tại khu vực rửa xe để xử lý. Tại đây, lượng dầu mỡ có trong nước thải sẽ được giữ lại ở ngăn đầu tiên, nước thải sau đó được dẫn qua ngăn tiếp theo để xử lý các cặn bẩn bằng phương pháp lắng cơ học. Sau đó nước thải được dẫn qua ngăn lọc với vật liệu lọc là cát, sỏi nhằm xử lý các cặn bẩn còn lại có trong nước thải.

Dầu mỡ được giữ lại tại ngăn đầu tiên của Bể tách dầu mỡ kết hợp lắng lọc định kỳ 1 tuần/lần được công nhân vớt và thu gom thủ công hoặc được thu gom bằng (các tấm hấp phụ dầu nếu lượng dầu ít) và đưa về khu vực chứa chất thải nguy hại để lưu giữ và định kỳ hợp đồng thu gom xử lý.

Nước thải sau Bể tách dầu mỡ kết hợp lắng lọc và nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại được dẫn vào hố ga lắng cặn. Nước thải của Cơ sở sau khi xử lý đạt giá trị cột B, QCVN 40:2011/BTNMT với hệ số  $K_q=0,9$ ,  $K_f=1,2$  được dẫn ra mương thoát nước chung của khu vực chạy dọc đường Thiên Cẩm và thải ra môi trường tiếp nhận là sông Lạc Giang.



**Hình 3.4. Công trình xử lý nước thải tại Cơ sở**

Các công trình xử lý nước thải tại cơ sở đều được xây dựng ngầm bằng gạch và có nắp đậy. Thông số kỹ thuật của các bể như sau:

**Bảng 3.1. Danh mục các hạng mục xử lý nước thải tại cơ sở**

TT	Công trình	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Bể tự hoại	Cái	01	KT = (2,5 x 2,0 x 1,5)m
2	Bể tách dầu mỡ kết hợp lắng lọc	Cái	01	KT = (3,0 x 2,0 x 1,5)m
3	Hố ga	Cái	01	KT = (0,8x 0.8x1,0)m

### 3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

- Công trình thu gom, thoát khí thải từ quá trình sửa chữa xe gắn máy tại khu vực dịch vụ: Khí thải từ ống khói xe máy trong quá trình đốt nguyên liệu qua pít tông. Trong khói bụi xe máy chứa hàm lượng CO, HC, NO<sub>x</sub>, SO<sub>x</sub>... gây ảnh hưởng đến công nhân viên làm việc trực tiếp tại Cơ sở. Do vậy, đơn vị đã thiết kế hệ thống thu và thoát khí thải như sau:

+ Công trình gồm 07 miệng gió kích thước 15x25cm đặt âm nền tại mỗi vị trí sửa chữa xe máy, sử dụng ống PVC D90 chôn ngầm dẫn khí thải của quá trình nổ xe máy khi sửa chữa xe, quạt hút khói có chức năng hút khí thải về ống thoát khí.

+ Khí thải từ ống xả xe máy trong quá trình sửa chữa được thu gom sau đó phân tán ra ngoài môi trường.



**Hình 3.5. Công trình thu gom khí thải từ hoạt động sửa chữa xe máy**

Ngoài ra cơ sở còn thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động của khí thải như:

+ Thiết kế khu vực dịch vụ ngăn cách với khu trung bày, khu bán hàng bằng các tấm kính chắn để ngăn khí thải phát tán vào khu vực này.

+ Xung quanh khu vực dịch vụ bố trí các ô cửa có chức năng lấy sáng và thông gió để đảm bảo an toàn sức khỏe công nhân viên.

+ Vệ sinh khu vực Cơ sở thường xuyên để hạn chế bụi phát tán.

+ Cung cấp đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân gồm mũ, giày, nút

tai,...đặc biệt là công nhân phải làm việc trong khu vực có độ ồn lớn.

### **3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:**

#### *a. Chất thải rắn sinh hoạt*

Chất thải rắn thông thường phát sinh tại Cơ sở bao gồm chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ nhân viên và chất thải phát sinh tại khu vực văn phòng với 12 cán bộ nhân viên thì khối lượng phát sinh lớn nhất khoảng 4,0kg/ngày. Chất thải rắn được phân loại và lưu chứa vào các thùng chứa được đặt ở vị trí thuận lợi trong khuôn viên khu vực Cơ sở nhằm đảm bảo điều kiện vệ sinh và nước mưa không chảy qua.

Công ty đã bố trí các thùng nhựa có nắp đậy kín được bố trí ngay tại nơi phát sinh (khu vực trung bày, khu vực dịch vụ, nhà vệ sinh). Mỗi điểm đều được bố trí 03 thùng cạnh nhau nhằm phân loại rác tại nguồn rác khó phân hủy và rác dễ phân hủy.

- Chất thải rắn sinh hoạt sau khi được thu gom, phân thành 03 loại và được xử lý như sau:

+ Chất thải rắn có khả năng tái chế như: Đồ hộp, lon bia, túi nilon, giấy carton... được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

+ Các loại rác thải không có khả năng tái chế và rác thải hữu cơ dễ phân hủy được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển đi xử lý.

#### *b. Chất thải rắn thông thường:*

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô gồm: Săm lốp ô tô, các phụ tùng thay thế phân máy, gôm, đầu mẫu sắt vụn thừa không bám dính dầu mỡ, mút, da, xốp,... với khối lượng phát sinh khoảng 5kg/ngày một phần được các chủ phương tiện thu hồi lại, phần còn lại được phân loại và xử lý như sau:

- Đối với các chất thải tái sử dụng như các phụ tùng thay thế, túi nilon, vỏ hộp, vỏ thùng catterong,... được chứa trong 04 thùng màu vàng 120 lít, định kỳ được bán cho người thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Đối với các chi tiết nhỏ đựng trong 02 thùng chứa loại 120 lít có nắp đậy đặt trong khu vực dịch vụ. Chất thải được thu gom hàng ngày chung với chất thải sinh hoạt khác và được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đưa đi xử lý.

- Đối với các bộ phận nhựa, lốp xe thải được lưu trữ trong khu vực kho chứa và được bán lại cho đơn vị có nhu cầu thu mua.



Hình 3.6. Các thùng chứa rác đã được bố trí tại Cơ sở

- Bùn cặn bề tự hoại:

Lượng bùn cặn từ bề tự hoại được tính toán như sau:

$V_c = [a \cdot T_c \cdot (100 - W_1) \cdot b \cdot c] \cdot N / [(100 - W_2) \cdot 1000]$ , (m<sup>3</sup>); Trong đó:

a: Lượng cặn trung bình của một người thải ra một ngày là 0,5 lít/ng.ngđ. T<sub>c</sub>: Thời gian giữa hai lần lấy cặn, T<sub>c</sub> = 24 tháng (730 ngày).

W<sub>1</sub>; W<sub>2</sub>: Độ ẩm cặn tươi vào bể và của cặn khi lên men, tương ứng là 95% và 90%

b: Hệ số kể đến việc giảm thể tích cặn khi lên men (giảm 30%) và lấy bằng 0,7

c: Hệ số kể đến việc để lại một phần cặn đã lên men khi hút cặn để giữ lại vi sinh vật giúp cho quá trình lên men cặn được nhanh chóng, dễ dàng, để lại 20%; c = 1,2.

N: = 10 người.

Vậy:  $V_c = (0,5 \cdot 730 \cdot 5 \cdot 0,7 \cdot 1,2 \cdot 10) / (10 \cdot 1000) = 1,5 \text{ m}^3$ .

Như vậy khối lượng bùn cặn phát sinh từ bề tự hoại trong hai năm là 1,5m<sup>3</sup>.

- Bùn cặn từ bề xử lý nước thải và nạo vét hệ thống mương thoát nước có khối lượng phát sinh không nhiều, khoảng 1,0m<sup>3</sup>/lần nạo vét (tần suất nạo vét 06 tháng/lần).

→ Biện pháp giảm thiểu:

+ Bùn thải bề tự hoại, bể xử lý nước thải và từ nạo vét hệ thống mương thoát nước: Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển đi xử lý theo quy định.



### **3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn nguy hại:**

Theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 42.000264.T được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 18/03/2019 và theo thực tế thì thành phần, khối lượng và mã các loại chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở bao gồm:

**Bảng 3.2. Khối lượng chất thải nguy hại**

<b>STT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Trạng thái tồn tại</b>	<b>Khối lượng (kg/năm)</b>	<b>Mã CTNH</b>
1	Dầu thải	Lỏng	320	08 02 01
2	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	100	16 01 06
3	Ắc quy thải	Rắn	50	17 02 03
4	Chai đựng dầu nhớt	Rắn	55	19 06 05
5	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	5	18 01 03
6	Phụ tùng đã thay thế, bộ lọc	Rắn	22	18 02 01
7	Mực in có chứa thành phần nguy hại	Rắn	5	15 01 02
<b>Tổng</b>			<b>557</b>	

Chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở được phân loại và lưu trữ trong 04 thùng chứa có nắp đậy với thể tích 100lít để tránh ảnh hưởng do mưa, nắng khi tiếp xúc trực tiếp và được dán nhãn chất thải nguy hại. Khu vực lưu giữ CTNH được Chủ dự án bố trí có diện tích 4,0m<sup>2</sup>. Thùng chứa chất thải nguy hại được đặt trên nền chống thấm và được dán mã chất thải nguy hại theo đúng quy định. Định kỳ hợp đồng với Công ty Cổ phần xử lý môi trường Nghệ An thu gom, vận chuyển đưa đi xử lý theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT (*Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý chất thải nguy hại đính kèm phụ lục Báo cáo*).

- Hệ thống thu gom dầu nhớt thải: Hệ thống gồm các phễu thu dầu được bố trí tại khu vực dịch vụ sửa chữa được nối với ống PVC D34 dẫn về bể chứa dầu. Bể chứa dầu được xây dựng ngầm dưới khu vực dịch vụ sửa chữa, có kết cấu bằng gạch và gia trát chống thấm. Nhân viên theo dõi mức dầu thải khi bể chứa dầu đầy được hút đựng vào thùng phi bằng kim loại và chuyển vào kho chất thải nguy hại để được đơn vị có chức năng vận chuyển đưa đi xử lý cùng với rác thải nguy hại.



Hình 3.7. Công trình lưu giữ CTNH tại Cơ sở

### 3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

+ Khu vực dịch vụ sửa chữa xe máy được cách biệt với khu trưng bày nhằm giảm tiếng ồn tác động khu trưng bày.

+ Không tiến hành sửa chữa xe máy ngoài khung giờ quy định để không ảnh hưởng đến hoạt động người dân xung quanh.

+ Không tiến hành gia công các chi tiết gây tiếng ồn lớn trong thời gian dài tại cơ sở.

- Giảm thiểu tiếng ồn và độ rung từ trang thiết bị máy móc:

+ Kiểm tra độ cân bằng của các trang thiết bị máy móc và hiệu chỉnh nếu cần thiết để giảm rung lắc, va chạm.

+ Chỉ sử dụng máy móc, thiết bị còn trong niên hạn sử dụng.

+ Kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng các trang thiết bị máy móc định kỳ.

+ Sử dụng các loại đệm giảm rung chấn với thiết bị như bàn nâng, máy nén khí.

Công ty thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đảm bảo tiếng ồn luôn phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

### 3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

#### 3.6.1. Các công trình phòng chống cháy nổ

Hệ thống PCCC đã được đầu tư gồm:

*Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường:  
Cửa hàng xe máy Phú Tài Đức 5 tại thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh*

---

- Bồn chứa nước dự trữ phục vụ nhu cầu chữa cháy.
- Bình cứu hỏa chuyên dụng phục vụ chữa cháy.
- Xây dựng các phương án phòng chống cháy nổ và nội quy an toàn cháy nổ.
- Bảng nội quy được treo ở vị trí dễ thấy, có nhiều người qua lại nhất.
- Thường xuyên kiểm tra an toàn cháy nổ tại khu vực trung bày, bảo dưỡng xe; khu vực chứa nguyên, nhiên, vật liệu; khu chứa rác thải, CTNH...

Khu vực có nguy cơ cháy nổ cao:

- Khu vực chứa nguyên liệu dễ cháy nổ phục vụ hoạt động cơ sở được bảo quản trong các thùng chứa chuyên dụng và dán nhãn cảnh báo.
- Không đặt các dụng cụ, vật liệu dễ cháy gần khu nhiên liệu.
- Khu bảo quản nhiên liệu được che chắn để ngăn ngừa nguy cơ tăng nhiệt do ánh nắng mặt trời.



**Hình 3.8. Các công trình PCCC tại Cơ sở**

Ngoài ra, Công ty còn thực hiện tốt các công tác nhằm phòng chống cháy nổ tại cơ sở như :

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về PCCC đối với cơ sở theo quy định tại Điều 7, Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/07/2014 của Chính Phủ.
- Bảo quản, bảo dưỡng và duy trì hoạt động thường xuyên các phương tiện PCCC đã lắp đặt tại Cơ sở.
- Xây dựng và tổ chức tập huấn phương án chữa cháy, phương án cứu nạn, cứu hộ; Tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCCC và CNCH cho lực lượng PCCC Cơ sở.

Ngày 30/05/2024, Cửa hàng đã đón Tổ kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH của huyện Cẩm Xuyên. Về cơ bản Công ty đã trang bị đầy đủ các phương tiện, thiết bị PCCC đầy đủ và đảm bảo các quy định về an toàn PCCC và CNCH.

### **3.6.2. Phòng ngừa sự cố tai nạn lao động:**

- Thực hiện chế độ bắt buộc trang bị bảo hộ lao động cho công nhân phù hợp với từng vị trí, điều kiện làm việc theo chế độ quy định của Nhà nước. Các dụng cụ bảo hộ lao động bao gồm: Khẩu trang chống bụi, găng tay, quần áo.

- Duy trì việc khám sức khỏe định kỳ theo quy định cho toàn thể cán bộ, công nhân để phân loại sức khỏe và có hướng xử lý kịp thời đối với số cán bộ, công nhân bị bệnh hoặc có sức khỏe yếu.

- Phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu về an toàn và vệ sinh lao động theo quy định hiện hành từ khâu thiết kế, chế tạo, lắp đặt, sử dụng và quản lý máy, thiết bị theo các quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn cụ thể và các yêu cầu trong hồ sơ máy của Cơ sở.

- Thực hiện chế độ khen thưởng và xử phạt trong việc thực hiện các quy trình kỹ thuật, quy tắc an toàn lao động trong Cơ sở.

### **3.6.3. Phòng ngừa sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải**

- Định kỳ kiểm tra các ống dẫn nước và thông tắc ống kịp thời khi có sự cố.

- Định kỳ tiến hành kiểm tra đồng thời vớt váng dầu tại bể lắng nước thải rửa xe và lưu tại kho chứa chất thải nguy hại, vớt bùn, cát định kỳ để đảm bảo dung tích bể lắng.

- Định kỳ theo dõi vị trí xả thải, các hiện tượng bất thường nước thải.

- Định kỳ thuê đơn vị hút hầm vệ sinh.

### **3.7. Các nội dung thay đổi so với Kế hoạch bảo vệ môi trường:**

Bản Kế hoạch bảo vệ môi trường nêu các biện pháp khá chung và không nêu rõ những yêu cầu cụ thể đối với các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải và chất thải rắn, chất thải nguy hại. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động của Cơ sở từ trước đến nay, Công ty đã thực hiện tốt các biện pháp nhằm giảm thiểu các tác động của bụi, khí thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại như đã nêu ở trên.

## **Chương IV**

### **NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

#### **4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải**

##### **4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:**

Nguồn phát sinh nước thải tại Cơ sở bao gồm:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên;

+ Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình từ khu vực bảo dưỡng, sửa chữa và rửa xe.

##### **4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:**

Tổng lưu lượng nước thải xả thải tối đa tại Cơ sở là 1,0m<sup>3</sup>/ngày đêm.

##### **4.1.3. Dòng nước thải:**

- Dòng nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh sau khi được xử lý ở bể tự hoại sau đó dẫn vào hố ga trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận;

- Dòng nước thải sinh hoạt từ quá trình tắm giặt, rửa tay chân của công nhân được dẫn vào hố ga để xử lý trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận;

- Dòng nước thải từ quá trình từ khu vực bảo dưỡng, sửa chữa và rửa xe: Được thu gom dẫn về Bể tách mỡ kết hợp lắng lọc để xử lý rồi dẫn vào hố ga trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận.

##### **4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:**

- Các thông số ô nhiễm đề nghị cấp phép (10 thông số): pH, BOD<sub>5</sub>, COD, Chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua (tính theo H<sub>2</sub>S), Amoni (tính theo N), Tổng N, Tổng P, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.

- Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Nước thải sau xử lý đạt các giá trị C<sub>Max</sub>, cột B của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (K<sub>q</sub>=0,9, K<sub>r</sub>=1,2). Trong đó:

C<sub>max</sub>: Là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả nguồn tiếp nhận nước thải.

C: Là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại Bảng 1 mục 2.2 của QCVN 40:2011/BTNMT.

$K_q$ : Là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; kênh, mương được quy định tại Bảng 2, QCVN 40:2011/BTNMT. Với lưu lượng dòng chảy của nguồn tiếp nhận nước thải  $\leq 50m^3/s$  thì  $K_q = 0,9$ .

$K_f$ : Là hệ số lưu lượng nguồn thải được quy định tại Bảng 4, QCVN 40:2011/BTNMT. Với lưu lượng nguồn thải  $\leq 50m^3/24h$  thì  $K_f = 1,2$ .

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Như vậy, nước thải trước khi xả thải của Cơ sở phải thấp hơn hoặc bằng giá trị  $C_{max}$  ở bảng sau:

**Bảng 4.2. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm**

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, $K_q=0,9$ , $K_f=1,2$ )
1	pH	-	5,5 - 9
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	54
3	COD	mg/l	162
4	Tổng Nitơ	mg/l	43,2
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10,8
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	108
7	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6,48
8	Sunfua	mg/l	0,54
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8
10	Coliform	MPN/100ml	5.000

#### **4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:**

- Vị trí xả thải: Tại ống PVC D90mm đầu nối từ hồ ga ra mương thoát nước chung của khu vực (chạy dọc tuyến đường Thiên Cầm. Tọa độ điểm xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^030'$ , múi chiếu  $3^0$ ): X(m) = 2018 721; Y(m) = 0552 721.

- Phương thức xả thải: Nước thải được xả thải ra nguồn tiếp nhận theo phương thức tự chảy.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải của cơ sở sau khi xử lý đạt Quy chuẩn cho phép (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B,  $K_q=0,9$ ,  $K_f=1,2$ ) dẫn ra mương thoát nước chung của khu vực và dẫn về nguồn tiếp nhận nước thải là sông Lạc Giang đoạn thuộc địa phận thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh. Điểm tiếp nhận nước thải, có tọa độ: X(m) = 2018 009; Y(m) = 0552 969 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^030'$ , múi chiếu  $3^0$ ).

## **4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung**

### **5.3.1. Nguồn phát sinh:**

Tiếng ồn và độ rung phát sinh chủ yếu từ hoạt động sửa chữa xe máy.

### **5.3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Tại khu vực dịch vụ sửa chữa: Có tọa độ: X(m): 2018 729; Y(m): 0552 712 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

### **5.3.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:**

Tiếng ồn, độ rung tại các khu vực xung quanh phải đảm bảo không vượt quá giới hạn cho phép tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

#### *a. Tiếng ồn*

TT	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Tối thiểu 01 lần/năm	Khu vực thông thường

#### *b. Độ rung*

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	Tối thiểu 01 lần/năm	Khu vực thông thường

## **4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải**

Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 40 của Luật bảo vệ môi trường 2020 quy định nội dung cấp phép đối với khí thải bao gồm: Nguồn phát sinh khí thải; Lưu lượng xả khí thải tối đa; Dòng khí thải; Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải; Vị trí, phương thức xả khí thải.

Tuy nhiên, khí thải phát sinh ở các khu vực của Cơ sở sau khi được dẫn ra ngoài môi trường thông qua các quạt hút do đó vị trí xả thải phân tán, không theo dòng khí và không xác định được lưu lượng. Vì vậy, chúng tôi không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Công ty đã thực hiện quan trắc nước thải năm 2024 với kết quả cụ thể như sau:

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý năm 2024

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, $K_q=0,9$ , $K_f=1,2$ )
1	pH	-	7,1	5,5 - 9
2	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	1,4	10,8
3	BOD <sub>5</sub>	mg/l	5	54
4	COD	mg/l	12,5	162
5	Tổng Nito	mg/l	15,3	43,2
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	2,6	10,8
7	SS	mg/l	22	108
8	Tổng Phosphor	mg/l	1,53	6,48
9	Sunfua	mg/l	0,12	0,54
10	Coliform	MPN/100ml	2.000	5.000

(Nguồn: Kết quả quan trắc môi trường năm 2024)

- Giá trị giới hạn: giá trị  $C_{Max}$ , cột B của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp ( $K_q=0,9$ ,  $K_f=1,2$ ).

- Vị trí lấy mẫu: Nước thải sau xử lý.

**Nhận xét:** Qua kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau khi xử lý của Cơ sở so sánh với quy định tương ứng tại QCVN 40:2011/BTNMT cho thấy các thông số trong nước thải (sau xử lý) của Cơ sở đều có giá trị thấp hơn giá trị giới hạn cho phép được quy định tại cột B của QCVN 40:2011/BTNMT với hệ số  $K_q=0,9$ ,  $K_f=1,2$ .



## CHƯƠNG VI

### CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

#### **6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải**

Căn cứ Khoản 1, Điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường trong đó quy định công trình xử lý chất thải không phải thực hiện vận hành thử nghiệm bao gồm: “Hồ lắng của dự án khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, đá vôi; Hồ sự cố của hệ thống xử lý nước thải (trừ hồ sự cố kết hợp hồ sinh học); Hệ thống thoát bụi, khí thải đối với các trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải, bao gồm cả hệ thống kiểm soát khí thải lò hơi sử dụng nhiên liệu là khí gas, dầu DO; hệ thống xử lý khí thải lò hỏa táng; Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường (bao gồm cả bể tự hoại, bể tách mỡ nước thải nhà ăn và các công trình, thiết bị hợp khối đáp ứng yêu cầu theo quy định); Hệ thống xử lý nước làm mát có sử dụng Clo hoặc hóa chất khử trùng để diệt vi sinh vật; Công trình xử lý chất thải của dự án mở rộng, nâng cao công suất nhưng không có thay đổi so với giấy phép môi trường đã cấp; Công trình xử lý chất thải của các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường khi đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường; Công trình xử lý chất thải của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường nhưng không có thay đổi so với giấy phép môi trường thành phần hoặc giấy phép môi trường đã cấp”.

Như vậy với bể lắng lọc 03 ngăn của cơ sở thuộc công trình không phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

#### **6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật**

##### **6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ**

###### *a. Quan trắc nước thải:*

Theo quy định tại Điều 111 của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và theo Quy định tại Điều 97 và Phụ lục số XXVIII, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động quan trắc nước thải, dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, phát sinh nước thải dưới 500m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) thì không phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ. Như vậy, Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

###### *b. Quan trắc bụi, khí thải*

Theo quy định tại Điều 112 của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Điểm 9 Mục II của Phụ lục số XXIX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định về hoạt động quan trắc khí thải công nghiệp thì Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc bụi, khí thải định kỳ.

**6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải**

Theo Quy định tại Điều 97 và Phụ lục số XXVIII, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục nước thải.

Theo quy định tại Điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Điểm 9 Mục II của Phụ lục số XXIX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục khí thải công nghiệp.

**CHƯƠNG VII:**

**KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI  
CƠ SỞ**

Từ năm 2022 đến nay, Cơ sở không đón đoàn kiểm tra, thanh tra nào về bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, cơ sở vẫn chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, sẵn sàng phối hợp xử lý các tác động môi trường gây ra trong giai đoạn vận hành của cơ sở.

**Chương VIII:**

**CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Công ty Cổ phần thương mại I – Hà Tĩnh cam kết:

- Các thông tin, số liệu được nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường là chính xác, trung thực. Nếu có gì sai trái chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nhằm bảo đảm đạt các quy định, Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, bao gồm:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu ra trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
3. Phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đối với môi trường từ các hoạt động liên quan đến Cơ sở;
4. Khắc phục ô nhiễm môi trường do các hoạt động của Cơ sở gây nên;
5. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân trong quá trình làm việc;
6. Nếu để xảy ra sự cố môi trường sẽ thực hiện các biện pháp sau để xử lý:
  - Điều tra, xác định phạm vi, giới hạn, mức độ, nguyên nhân, biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường;
  - Tiến hành ngay các biện pháp để ngăn chặn, hạn chế nguồn gây ô nhiễm môi trường và hạn chế sự lan rộng, ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống của nhân dân trong vùng;
  - Thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường và các quy định pháp luật liên quan khác;
  - Chịu mọi trách nhiệm về hậu quả đối với cộng đồng khu vực xung quanh nếu để xảy ra sự cố môi trường.
7. Tuân thủ các quy chuẩn thải theo quy định và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường
8. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ công khai giấy phép môi trường và cung cấp thông tin liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

9. Chấp hành nghiêm các quy định của nhà nước, địa phương về công tác PCCC và CNCH.

10. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 46 Luật bảo vệ môi trường 2020 và quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

## **PHỤ LỤC BÁO CÁO**

1. Các văn bản pháp lý có liên quan đến Cơ sở:
  - + Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
  - + Hợp đồng thuê đất;
  - + Bản sao Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường;
  - + Các văn bản pháp lý liên quan khác.
2. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải tại Cơ sở.
3. Bản vẽ Bể xử lý nước thải.
5. Hợp đồng thu gom CTNH.
6. Phiếu kết quả quan trắc môi trường tại Cơ sở năm 2024.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
TỈNH HÀ TĨNH  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 3000353850**

*Đăng ký lần đầu: ngày 13 tháng 04 năm 2005*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 13, ngày 26 tháng 06 năm 2023*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI I- HÀ TĨNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Số 15 Trần Phú, Phường Trần Phú, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam*

Điện thoại: 02393.859 696;

Fax: 02393894999

Email: *phonghcns.ptd@gmail.com*

Website: *xemayphutai.com.vn*

**3. Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ: 89.000.000.000 đồng.

*Bằng chữ: Tám mươi chín tỷ đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 8.900.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: NGUYỄN ANH NGÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Phó Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 17/05/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 042177016486

Ngày cấp: 07/01/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: *Số nhà BT3-01 khu đô thị Vinhomes, tổ 1, Phường Hà Huy Tập, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số nhà BT3-01 khu đô thị Vinhomes, tổ 1, Phường Hà Huy Tập, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam*

\* Họ và tên: TRẦN NGỌC LAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 20/12/1966

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 042066040607

Ngày cấp: 07/01/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số nhà BT3-01 khu đô thị Vinhomes, tổ 1, Phường Hà Huy Tập, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà BT3-01 khu đô thị Vinhomes, tổ 1, Phường Hà Huy Tập, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

\* Họ và tên: BÙI VĂN HƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/04/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 042084013613

Ngày cấp: 17/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Tân Hòa, Xã Tân Lâm Hương, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Tân Hòa, Xã Tân Lâm Hương, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG



Trần Việt Sao



Số: 124/GXN-UBND

Cẩm Xuyên, ngày 17 tháng 01 năm 2019

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ  
KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**Xây dựng Cửa hàng Phú Tài 5 tại Thị trấn Cẩm Xuyên,  
huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.**

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Xuyên xác nhận: Công ty Cổ phần thương mại 1 Hà Tĩnh mà đại diện là ông Phạm Minh Văn - giám đốc công ty đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường dự án Xây dựng Cửa hàng Phú Tài 5 tại Thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh tại UBND huyện Cẩm Xuyên vào ngày 08/1/2019.

Công ty Cổ phần thương mại 1 Hà Tĩnh mà đại diện là ông Phạm Minh Văn - giám đốc công ty có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã ký.
2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.
3. Bản Kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và Giấy xác nhận này là căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai thực hiện dự án Xây dựng Cửa hàng Phú Tài 5 tại Thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.
4. Công ty Cổ phần thương mại 1 Hà Tĩnh mà đại diện là ông Phạm Minh Văn - giám đốc công ty phải báo cáo với UBND huyện Cẩm Xuyên khi có những thay đổi, điều chỉnh nội dung bản kế hoạch bảo vệ môi trường và chỉ được thực hiện khi có sự chấp nhận bằng văn bản của UBND huyện Cẩm Xuyên.

Kế hoạch bảo vệ môi trường dự án Xây dựng Cửa hàng Phú Tài 5 tại Thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh kèm theo Giấy xác nhận đăng ký này được cấp cho Công ty Cổ phần thương mại I Hà Tĩnh mà đại diện là ông Phạm Minh Văn - giám đốc công ty để thực hiện và được lưu tại cơ quan Nhà nước để kiểm tra, giám sát. *rd*

**Nơi nhận:**

- Sở TN và MT;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện phụ trách khối;
- Công ty CPTM 1 Hà Tĩnh;
- Cửa hàng Phú Tài 5;
- UBND TT Cẩm Xuyên;
- Lưu: VT, TNMT. *vc*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH  
*Trần Hữu Duyệt*  


**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG**  
**THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**  
**(Số: 03/2021/HĐTD)**

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2021 tại văn phòng Công ty cổ phần thương mại I – Hà Tĩnh. Địa chỉ số 15, Đường Trần Phú, P. Trần Phú, TP Hà Tĩnh chúng tôi gồm có:

**BÊN CHO THUÊ (BÊN A):**

- Ông: PHAN TRUNG LIÊN Sinh ngày: 12/08/1955.
- CMND số: 184011343, Cấp ngày: 20/01/2010 tại CA. tỉnh Hà Tĩnh.
- Hộ khẩu thường trú: Thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

**Cùng vợ Là:**

- Bà: NGÔ THỊ TUYẾT Sinh ngày: 27/10/1958.
- CMND số: 183193110 Cấp ngày: 14/04/2016 tại CA. tỉnh Hà Tĩnh.
- Hộ khẩu thường trú: Thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

**BÊN THUÊ (BÊN B):**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI I – HÀ TĨNH**

- Số 15 Đường Trần Phú, phường Trần Phú, Thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
- Điện thoại: 0239 3 777 999 Fax: 0239 3 894 999
- Giấy đăng ký kinh doanh số 3000353850, Nơi cấp Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hà Tĩnh, đăng ký lần đầu và ngày 13/04/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 23/09/2020.

Đại diện: Ông PHẠM MINH VĂN Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng thỏa thuận ký hợp đồng với những nội dung sau:

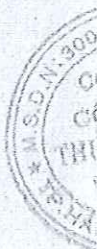
**ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG VÀ NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG**

1.1. Bên A cho bên B thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất số CD 930427 do UBND huyện Cẩm Xuyên cấp ngày 11/08/20216.

1.2. Quyền sử dụng đất của bên A đối với thửa đất theo giấy CNQSDĐ, cụ thể như sau:

- a) Thửa đất số: 01.
- b) Tờ bản đồ số: Mảnh trích đo địa chính số 50-2016

*(Handwritten signatures of Phan Trung Lien and Ngo Thi Tuyet)*



- c) Địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố 13, Thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
- d) Diện tích đất trong bia đất: 117,6 m<sup>2</sup>
- Mặt tiền: 5,97m – Mặt hậu: 7,24m
  - Chiều sâu phía đất ông Tịnh: 18,53m – Chiều sâu phía đất ông Hiệp: 19,37m.
- e) Diện tích sử dụng thực tế:
- Mặt tiền: 5,97m – Mặt hậu: 7,24m
  - Chiều sâu phía đất ông Tịnh: 18,53m – Chiều sâu phía đất ông Hiệp: 19,37m.
- f) Hình thức sử dụng:
- Sử dụng riêng: 117,6 m<sup>2</sup>
  - Sử dụng chung: 0.
- g) Mục đích sử dụng: Đất ở 104m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 13,6 m<sup>2</sup>
- h) Thời gian sử dụng: Lâu dài, đất trồng cây lâu năm đến ngày 15/10/2043
- i) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ có thu tiền sử dụng đất.
- j) *Những hạn chế và quyền sử dụng đất nếu có....*

1.3. Tài sản gắn liền với đất: Nhà 2 tầng, tổng diện tích 200 m<sup>2</sup> bao gồm toàn bộ nội thất, cửa thiết bị điện, thiết bị nước, thiết bị vệ sinh.

#### ĐIỀU 2: THỜI HẠN THUÊ

Thời hạn thuê quyền sử dụng đất nêu tại điều 1 của hợp đồng này: kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.

#### ĐIỀU 3: MỤC ĐÍCH THUÊ

Mục đích thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của hợp đồng này là: Sử dụng mục đích kinh doanh.

#### ĐIỀU 4: GIÁ THUÊ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1. Giá cho thuê đất là: 8,400,000VNĐ/một tháng (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn/một tháng) tức là 100,800,000 VNĐ/01 năm (Một trăm triệu tám trăm nghìn đồng/một năm)

4.2. Phương thức thanh toán: Thanh toán tiền thuê quyền sử dụng đất và tài sản trên đất 01 năm/01 lần (Một năm một lần) với số tiền là: 100,800,000 VNĐ/01 năm (Một trăm triệu tám trăm nghìn đồng/một năm) vào đầu kỳ thanh toán vào ngày 05 tháng 01 hàng năm. Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

*Handwritten signatures and stamps:*

Stamp: M.S.D.N. 303 - THƯỜNG KIỆT - HA TINH

Stamp: HA TINH - TỈNH T. HA TINH

Handwritten signature: *Nguyễn Văn...*

Handwritten signature: *Nguyễn Văn...*

**ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A.****5.1. Nghĩa vụ của bên A:**

- a) Giữ nguyên hiện trạng thửa đất.
- b) Đăng ký việc cho thuê quyền sử dụng đất.
- c) Cho thuê quyền sử dụng đất trong thời hạn được giao, được thuê.
- d) Kiểm tra nhắc nhở bên B bảo vệ, giữ gìn đất và sử dụng đất đúng mục đích.
- e) Báo cho bên B về quyền của người thứ ba của thửa đất nếu có.
- f) Bên A tuyệt đối không được sang nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất cho thuê tại hợp đồng này khi hợp đồng này đang có hiệu lực.
- g) Nếu bên A hủy hợp đồng trước thời hạn dẫn đến việc gây thiệt hại cho bên B thì bên A phải đền bù toàn bộ giá trị thiệt hại cho bên B, bao gồm chi phí xây dựng, sửa chữa, lắp đặt biển hiệu, trang thiết bị và thiệt hại do ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của bên B. Đồng thời bên A phải đền bù cho bên B khoản phạt vi phạm hợp đồng bằng 30% (ba mươi phần trăm) giá trị hợp đồng này.
- h) Bên A có nghĩa vụ nộp thuế QSDĐ theo quy định của nhà nước.

**5.2. Quyền của bên A.**

- a) Yêu cầu bên B trả đủ tiền thuê theo thời gian và cam kết trên hợp đồng này.
- b) Yêu cầu bên B chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích, hủy hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị của đất; nếu bên B không chấm dứt hành vi vi phạm, thì bên A có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng, yêu cầu bên B hoàn trả đất và bồi thường thiệt hại.
- c) Yêu cầu bên B trả lại đất khi thời hạn cho thuê đã hết.
- d) Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng nếu bên B sử dụng không đúng mục đích hợp đồng.

**ĐIỀU 6: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B****6.1. Nghĩa vụ của bên B:**

- a) Sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới, đúng thời hạn thuê.
- b) Không được hủy hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của đất và phải thực hiện các yêu cầu khác như đã thoả thuận trong hợp đồng.
- c) Trả đủ tiền thuê quyền sử dụng đất đúng thời hạn, đúng địa điểm và theo phương thức đã thoả thuận; nếu việc sử dụng đất không sinh lợi thì bên B vẫn phải trả đủ tiền thuê, trừ trường hợp có thoả thuận khác.
- d) Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh.
- e) Được phép cho người khác thuê lại quyền sử dụng đất.
- f) Trả lại đất khi hết thời hạn thuê, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

*Handwritten signatures:*

33382  
 HỌ TÊN  
 SỐ QUÂN  
 SỐ QUÂN  
 SỐ QUÂN  
 SỐ QUÂN

g) Bên B thanh toán các loại thuế phát sinh theo quy định.

#### **6.2. Quyền của bên B:**

- a) Yêu cầu bên A chuyển giao đất đủ diện tích, đúng vị trí, số hiệu và tình trạng đất như đã thoả thuận theo hợp đồng này.
- b) Toàn quyền sửa chữa, cải tạo tài sản trên đất phù hợp với mục đích kinh doanh.
- c) Được sử dụng đất ổn định theo thời hạn thuê đã thoả thuận.
- d) Được hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất;
- e) Sau khi hết hạn hợp đồng thuê đất bên B được phép lấy lại toàn bộ tài sản đã xây dựng trên đất.
- f) Yêu cầu bên A giảm, miễn tiền thuê trong trường hợp do bất khả kháng mà hoa lợi, lợi tức bị mất hoặc bị giảm sút.
- g) Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê QSDĐ theo quy định của pháp luật.
- h) Hết thời hạn thuê do bên B không phải thanh toán bất kỳ chi phí nào liên quan đến thửa đất và tài sản gắn liền với đất có chứng nhận theo hợp đồng này.

#### **ĐIỀU 7: VIỆC ĐĂNG KÝ CHO THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ LỆ PHÍ.**

7.1. Việc đăng ký cho thuê quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do bên A chịu trách nhiệm thực hiện.

7.2. Lệ phí liên quan đến việc thuê quyền sử dụng đất theo Hợp đồng này do bên A chịu trách nhiệm nộp.

#### **ĐIỀU 8: CHẠM TRẢ TIỀN THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

Khi bên B chậm trả tiền thuê quyền sử dụng đất theo thoả thuận thì bên A có thể gia hạn; nếu hết thời hạn đó mà bên B không thực hiện nghĩa vụ thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng, yêu cầu bên B trả lại đất. Bên A có quyền yêu cầu bên B trả đủ tiền trong thời gian đã thuê kể cả lãi đối với khoản tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

#### **ĐIỀU 9: BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO ĐẤT BỊ THU HỒI, THIẾT HẠI KHÁC.**

9.1. Khi bên A hoặc bên B cố ý vi phạm nghĩa vụ của người sử dụng đất dẫn đến việc Nhà nước thu hồi đất thì bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

9.2. Trong trường hợp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất đang có hiệu lực nhưng do nhu cầu về quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế mà Nhà nước thu hồi đất thì hợp đồng thuê quyền sử dụng đất chấm dứt trước thời hạn.

*[Handwritten signatures]*

9.3. Trong trường hợp bên B đã trả tiền trước thì bên A phải trả lại cho bên B khoản tiền còn lại tương ứng với thời gian chưa sử dụng đất; nếu bên B chưa trả tiền thì chỉ phải trả tiền tương ứng với thời gian đã sử dụng đất.

9.4. Bên A được Nhà nước bồi thường thiệt hại do thu hồi đất theo quy định của pháp luật, còn bên B được Nhà nước bồi thường thiệt hại về hoa lợi có trên đất và tài sản gắn trên đất (bao gồm các tài sản mà bên B đã cải tạo, xây dựng) và các thiệt hại do ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của bên B, các khoản bồi thường khác.

9.5. Bên B không chịu trách nhiệm với các thiệt hại về đất và tài sản trên đất trong các trường hợp bị nhà nước thu hồi, giải tỏa, các trường hợp bất khả kháng như thiên tai.

#### **ĐIỀU 10 : TIẾP TỤC THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHI HẾT HẠN HỢP ĐỒNG**

10.1. Trong trường hợp hiệu lực hợp đồng hết và bên B còn muốn thuê tiếp thì bên B sẽ được ưu tiên thuê đất nếu đủ các điều kiện của bên A đưa ra.

10.2. Giá thuê đất sau khi hết hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc cụ thể của lần ký hợp đồng mới.

#### **ĐIỀU 11: PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP.**

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu toà án Thành phố Hà Tĩnh có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Chi phí giải quyết khởi kiện do bên thua chịu.

#### **ĐIỀU 12: CAM KẾT GIỮA CÁC BÊN**

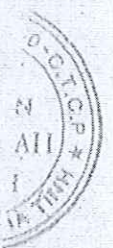
Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam kết sau đây:

##### **12.1. Bên A cam kết:**

- a) Những thông tin về nhân thân, về thửa đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- b) Thửa đất thuộc trường hợp được cho thuê quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;
- c) Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:
  - Thửa đất không có tranh chấp;
  - Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;
- d) Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
- e) Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

##### **12.2. Bên B cam kết:**

- a) Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;



*[Handwritten signatures of the parties]*

- b) Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất nêu tại Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất;
- c) Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
- d) Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

### ĐIỀU 13: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

11.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2020 đến hết ngày đến hết ngày 02 tháng 01 năm 2023 và các hợp đồng đã ký trước đó không còn hiệu lực.

11.2. Chấm dứt thực hiện hợp đồng:

a) Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

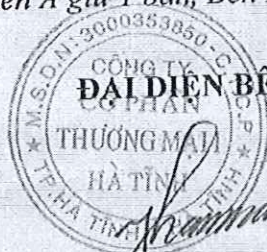
- Hết thời hạn thuê và không được gia hạn thuê;
- Theo thoả thuận của các bên;
- Nhà nước thu hồi đất;
- Một trong các bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng hoặc hủy bỏ hợp đồng theo thoả thuận hoặc theo quy định của pháp luật;
- Diện tích đất thuê không còn do thiên tai;
- Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

b) Khi hợp đồng thuê quyền sử dụng đất chấm dứt, bên B phải bàn giao đất đủ diện tích đất như khi nhận đất. Tài sản gắn liền với đất được được bên B cải tạo xây dựng có thể để nguyên hoặc gỡ bỏ điều này do hai bên thỏa thuận.

Hợp đồng có 06 trang và được lập thành 03 bản (ba) Bên A giữ 1 bản, Bên B giữ 2 bản.

#### ĐẠI DIỆN BÊN A

*Phan Trương Triều*  
*Nguyễn Thị Nguyệt*



*Phạm Minh Văn*  
 GIÁM ĐỐC

1

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG**  
**THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIÊN VỚI ĐẤT**  
(Số: 02/2021/HĐTD)

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2021 tại Văn phòng Công ty cổ phần thương mại I – Hà Tĩnh. Địa chỉ số 15, Đường Trần Phú, P. Trần Phú, TP Hà Tĩnh. Chúng tôi gồm có:

**BÊN CHO THUÊ (BÊN A):**

- Ông: **TRƯƠNG QUỐC TỊNH** Sinh ngày: 07/07/1970.
- CMND số: 184278689, Cấp ngày: 17/06/2013 tại CA. tỉnh Hà Tĩnh.
- Hộ khẩu thường trú: Thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

**Cùng vợ Là:**

- Bà: **NGUYỄN THỊ NGỌC** Sinh ngày: 11/12/1975
- CMND số: 183054593 Cấp ngày: 06/06/2014 tại CA. tỉnh Hà Tĩnh.
- Hộ khẩu thường trú: Thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

**BÊN THUÊ (BÊN B):**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI I – HÀ TĨNH**

- Số 15 Đường Trần Phú, phường Trần Phú, Thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
- Điện thoại: 0239 3 777 999 Fax: 0239 3 894 999
- Giấy đăng ký kinh doanh số 3000353850, Nơi cấp Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hà Tĩnh, đăng ký lần đầu và ngày 13/04/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 23/09/2020.

Đại diện: Ông **PHẠM MINH VĂN** Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng thỏa thuận ký hợp đồng với những nội dung sau:

**ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG VÀ NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG**

1.1. Bên A cho bên B thuê quyền sử dụng đất và tài sản trên đất: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất số CĐ 930079 do UBND Huyện Cẩm Xuyên cấp ngày 22/06/20216.

1.2. Quyền sử dụng đất của bên A đối với thửa đất theo giấy CNQSDĐ, cụ thể như sau:

- a) Thửa đất số: 01
- b) Tờ bản đồ số: Mảnh trích đo số 22-2016
- c) Địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố 13, Thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh





- d) Diện tích đất trong bìa đất: 112,1 m<sup>2</sup>
  - Mặt tiền: 6,12m – Mặt hậu: 6,57m
  - Chiều sâu phía cơ quan kiểm lâm: 17,42m – Chiều sâu phía đất ông Liên: 18,53m
- e) Diện tích sử dụng thực tế:
  - Mặt tiền: 6,12m – Mặt hậu: 6,57m
  - Chiều sâu phía cơ quan kiểm lâm: 17,42m – Chiều sâu phía đất ông Liên: 18,53m
- f) Hình thức sử dụng:
  - Sử dụng riêng: 112,1 m<sup>2</sup>
  - Sử dụng chung: 0.
- g) Mục đích sử dụng: Đất ở 90m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 22,1m<sup>2</sup>
- h) Thời gian sử dụng: Lâu dài
- i) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng QSD đất từ ông Nguyễn Quang.

1.3. Tài sản gắn liền với đất: Nhà 2 tầng, tổng diện tích 250m<sup>2</sup> bao gồm toàn bộ nội thất, cửa thiết bị điện, thiết bị nước, thiết bị vệ sinh liền với đất.

#### **ĐIỀU 2: THỜI HẠN THUÊ**

Thời hạn thuê quyền sử dụng đất nêu tại điều 1 của hợp đồng này là: kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.

#### **ĐIỀU 3: MỤC ĐÍCH THUÊ**

Mục đích thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của hợp đồng này là: Sử dụng mục đích kinh doanh.

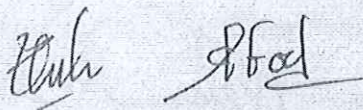
#### **ĐIỀU 4: GIÁ THUÊ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

- 4.1. Giá cho thuê đất là: 8,200,000VNĐ/một tháng (Tám triệu hai trăm ngàn đồng/một tháng) tức là 98,400,000 VNĐ/01 năm (Chín trăm tám mươi tư triệu đồng/01 năm)
- 4.2. Phương thức thanh toán: Thanh toán tiền thuê quyền sử dụng đất và tài sản trên đất 01năm/01 lần với số tiền là: 98,400,000 VNĐ/01 năm (Chín mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng/một năm) vào đầu kỳ thanh toán vào ngày 05 tháng 01 hằng năm. Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

#### **ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A.**

##### **5.1. Nghĩa vụ của bên A:**

- a) Giữ nguyên hiện trạng thửa đất.
- b) Đăng ký việc cho thuê quyền sử dụng đất.
- c) Cho thuê quyền sử dụng đất trong thời hạn được giao, được thuê.
- d) Kiểm tra nhắc nhở bên B bảo vệ, giữ gìn đất và sử dụng đất đúng mục đích.
- e) Báo cho bên B về quyền của người thứ ba của thửa đất nếu có.



- f) Bên A tuyệt đối không được sang nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất cho thuê tại hợp đồng này khi hợp đồng này đang có hiệu lực.
- g) Nếu bên A hủy hợp đồng trước thời hạn dẫn đến việc gây thiệt hại cho bên B thì bên A phải đền bù toàn bộ giá trị thiệt hại cho bên B, bao gồm chi phí xây dựng, sửa chữa, lắp đặt biển hiệu, trang thiết bị và thiệt hại do ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của bên B. Đồng thời bên A phải đền bù cho bên B khoản phạt vi phạm hợp đồng bằng 30% (ba mươi phần trăm) giá trị hợp đồng này.
- h) Bên A có nghĩa vụ nộp thuế QSDĐ theo quy định của nhà nước.

## 5.2. Quyền của bên A.

- a) Yêu cầu bên B trả đủ tiền thuê theo thời gian và cam kết trên hợp đồng này.
- b) Yêu cầu bên B chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích, huỷ hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị của đất; nếu bên B không chấm dứt hành vi vi phạm, thì bên A có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng, yêu cầu bên B hoàn trả đất và bồi thường thiệt hại.
- c) Yêu cầu bên B trả lại đất khi thời hạn cho thuê đã hết.
- d) Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng nếu bên B sử dụng không đúng mục đích hợp đồng.

## ĐIỀU 6: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

### 6.1. Nghĩa vụ của bên B:

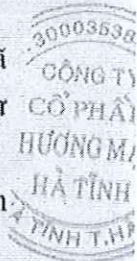
- a) Sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới, đúng thời hạn thuê.
- b) Không được huỷ hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của đất và phải thực hiện các yêu cầu khác như đã thoả thuận trong hợp đồng.
- c) Trả đủ tiền thuê quyền sử dụng đất đúng thời hạn, đúng địa điểm và theo phương thức đã thoả thuận; nếu việc sử dụng đất không sinh lợi thì bên B vẫn phải trả đủ tiền thuê, trừ trường hợp có thoả thuận khác.
- d) Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh.
- e) Được phép cho người khác thuê lại quyền sử dụng đất.
- f) Trả lại đất khi hết thời hạn thuê, trừ trường hợp có thoả thuận khác.
- g) Bên B thanh toán các loại thuế phát sinh theo quy định.

### 6.2. Quyền của bên B:

- a) Yêu cầu bên A chuyển giao đất đủ diện tích, đúng vị trí, số hiệu và tình trạng đất như đã thoả thuận theo hợp đồng này.
- b) Toàn quyền sửa chữa, cải tạo tài sản trên đất phù hợp với mục đích kinh doanh.
- c) Được sử dụng đất ổn định theo thời hạn thuê đã thoả thuận.
- d) Được hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất;

*Handwritten signatures:*

*Thanh*      *Boch*      *Phan*



- e) Sau khi hết hạn hợp đồng thuê đất bên B được phép lấy lại toàn bộ tài sản đã xây dựng trên đất.
- f) Yêu cầu bên A giảm, miễn tiền thuê trong trường hợp do bất khả kháng mà hoa lợi, lợi tức bị mất hoặc bị giảm sút.
- g) Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê QSDĐ theo quy định của pháp luật.
- h) Hết thời hạn thuê do bên B không phải thanh toán bất kỳ chi phí nào liên quan đến thửa đất và tài sản gắn liền với đất có chứng nhận theo hợp đồng này.

#### **ĐIỀU 7: VIỆC ĐĂNG KÝ CHO THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ LỆ PHÍ.**

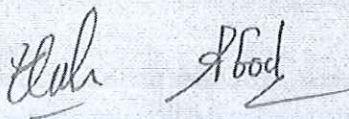
- 7.1. Việc đăng ký cho thuê quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do bên A chịu trách nhiệm thực hiện.
- 7.2. Lệ phí liên quan đến việc thuê quyền sử dụng đất theo Hợp đồng này do bên A chịu trách nhiệm nộp.

#### **ĐIỀU 8: CHẬM TRẢ TIỀN THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

Khi bên B chậm trả tiền thuê quyền sử dụng đất theo thoả thuận thì bên A có thể gia hạn; nếu hết thời hạn đó mà bên B không thực hiện nghĩa vụ thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng, yêu cầu bên B trả lại đất. Bên A có quyền yêu cầu bên B trả đủ tiền trong thời gian đã thuê kể cả lãi đối với khoản tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

#### **ĐIỀU 9: BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO ĐẤT BỊ THU HỒI, THIẾT HẠI KHÁC.**

- 9.1. Khi bên A hoặc bên B cố ý vi phạm nghĩa vụ của người sử dụng đất dẫn đến việc Nhà nước thu hồi đất thì bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.
- 9.2. Trong trường hợp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất đang có hiệu lực nhưng do nhu cầu về quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế mà Nhà nước thu hồi đất thì hợp đồng thuê quyền sử dụng đất chấm dứt trước thời hạn.
- 9.3. Trong trường hợp bên B đã trả tiền trước thì bên A phải trả lại cho bên B khoản tiền còn lại tương ứng với thời gian chưa sử dụng đất; nếu bên B chưa trả tiền thì chỉ phải trả tiền tương ứng với thời gian đã sử dụng đất.
- 9.4. Bên A được Nhà nước bồi thường thiệt hại do thu hồi đất theo quy định của pháp luật; còn bên B được Nhà nước bồi thường thiệt hại về hoa lợi có trên đất và tài sản gắn trên đất (bao gồm các tài sản mà bên B đã cải tạo, xây dựng) và các thiệt hại do ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của bên B, các khoản bồi thường khác.
- 9.5. Bên B không chịu trách nhiệm với các thiệt hại về đất và tài sản trên đất trong các trường hợp bị nhà nước thu hồi, giải tỏa, các trường hợp bất khả kháng như thiên tai.



**ĐIỀU 10 : TIẾP TỤC THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHI HẾT HẠN HỢP ĐỒNG**

10.1. Trong trường hợp hiệu lực hợp đồng hết và bên B còn muốn thuê tiếp thì bên B sẽ được ưu tiên thuê đất nếu đủ các điều kiện của bên A đưa ra.

10.2. Giá thuê đất sau khi hết hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc cụ thể của lần ký hợp đồng mới.

**ĐIỀU 11: PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP.**

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu toà án Thành phố Hà Tĩnh có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Chi phí giải quyết khởi kiện do bên thua chịu.

**ĐIỀU 12: CAM KẾT GIỮA CÁC BÊN**

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam kết sau đây:

**12.1. Bên A cam kết:**

- a) Những thông tin về nhân thân, về thửa đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- b) Thửa đất thuộc trường hợp được cho thuê quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;
- c) Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:
  - Thửa đất không có tranh chấp;
  - Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;
- d) Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
- e) Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

**12.2. Bên B cam kết:**

- a) Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- b) Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất nêu tại Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất;
- c) Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
- d) Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

**ĐIỀU 13: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG**

11.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày đến hết ngày 02 tháng 01 năm 2023 và các hợp đồng đã ký trước đó không còn hiệu lực.

11.2. Chấm dứt thực hiện hợp đồng:

- a) Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất chấm dứt trong các trường hợp sau đây:
  - Hết thời hạn thuê và không được gia hạn thuê;
  - Theo thoả thuận của các bên;



- Nhà nước thu hồi đất;
- Một trong các bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng hoặc hủy bỏ hợp đồng theo thoả thuận hoặc theo quy định của pháp luật;
- Diện tích đất thuê không còn do thiên tai;
- Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

b) Khi hợp đồng thuê quyền sử dụng đất chấm dứt, bên B phải bàn giao đất đủ diện tích đất như khi nhận đất. Tài sản gắn liền với đất được được bên B cải tạo xây dựng có thể để nguyên hoặc gỡ bỏ điều này do hai bên thỏa thuận.

Hợp đồng có 06 trang và được lập thành 03 bản (ba) Bên A giữ 1 bản, Bên B giữ 2 bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

*[Handwritten signature]*  
 Quỳ Quốc Anh  
*[Handwritten signature]*  
 Nguyễn Thị Ngọc

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

*[Handwritten signature]*  
 GIÁM ĐỐC  
 Phạm Minh Tân



Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 3 năm 2019

**SỔ ĐĂNG KÝ**  
**CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**  
Mã số QLCTNH: 42.000264.T  
(cấp lần ba)

**I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:**

Tên chủ nguồn thải: Công ty cổ phần thương mại I - Hà Tĩnh.

Địa chỉ văn phòng: số 09, đường Trần Phú, phường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Điện thoại: 02393.855.489 Fax: 02393.894.999

Giấy đăng ký kinh doanh số 3000353850 đăng ký lần đầu ngày 13/4/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 27/6/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tĩnh cấp.

**II. Nội dung đăng ký:**

Chủ nguồn thải chất thải nguy hại đã đăng ký cơ sở phát sinh chất thải nguy hại kèm theo danh sách chất thải nguy hại tại Phụ lục kèm theo.

**III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:**

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

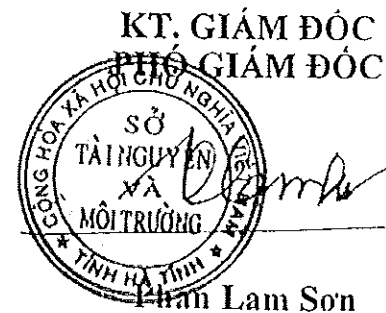
**IV. Điều khoản thi hành:**

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động (và thay thế Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số QLCTNH: 42.000263.T cấp lần hai ngày 21 tháng 01 năm 2019)./.

**Nơi nhận:**

- Như phần I;
- GD, PGD Sở phụ trách;
- Lưu: CCBVMT.

*[Handwritten signature]*



**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 42.000264.T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh cấp lần 3 ngày 18 tháng 3 năm 2019)

**I. Cơ sở phát sinh CTNH****1. Đại lý Toyota Phú Tài Đức Hà Tĩnh**

Địa chỉ: số 15, đường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Số điện thoại: 02393.797.666

**2. Cửa hàng Phú Tài 1**

Địa chỉ: số 09, đường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Số điện thoại: 02393.635.888

**3. Cửa hàng Phú Tài 2**

Địa chỉ: khối 1, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh

Số điện thoại: 02393.792.345

**4. Cửa hàng Phú Tài 3**

Địa chỉ: số 96, đường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Số điện thoại: 02393.698.268

**5. Cửa hàng Phú Tài 4**

Địa chỉ: khối phố 7, thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh

Số điện thoại: 02393.635.888

**6. Cửa hàng Phú Tài 5**

Địa chỉ: số 183, đường Hà Huy Tập, thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh

Số điện thoại: 02393.863.999

**7. Cửa hàng Phú Tài 6**

Địa chỉ: tổ dân phố Hưng Lợi, phường Sông Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

Số điện thoại: 02393.864.552

**8. Cửa hàng Phú Tài 9**

Địa chỉ: tổ dân phố 2, phường Sông Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

Số điện thoại: 02393.721.789

**9. Cửa hàng Phú Tài 10**

Địa chỉ: số 120, đường Trần Phú, phường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Số điện thoại: 0239.686.999

**10. Cửa hàng Phú Tài 11**

Địa chỉ: khối 1B, thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh

Số điện thoại: 02393.636.363

**11. Cửa hàng Phú Tài 12**

Địa chỉ: khối 12, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh



Số điện thoại: 02393.518.888

**12. Cửa hàng Phú Tài 13**

Địa chỉ: khối 8, thị trấn Đức Thọ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh

Số điện thoại: 02393.894.999

**13. Cửa hàng Phú Tài 17**

Địa chỉ: số 120, đường Trần Phú, phường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Số điện thoại: 02396.255.555

**II. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên (ước tính)****1. Danh sách CTNH phát sinh thường xuyên tại Đại lý Toyota Phú Tài Đức Hà Tĩnh:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn	30	08 01 01
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	100	18 02 01
3	Bao bì mềm thải	Rắn	60	18 01 01
4	Dầu thải	Lỏng	1200	15 01 07
5	Xăng dầu thải	Lỏng	60	17 06 02
6	Pin, ắc quy thải	Rắn	40	16 01 12
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	72	18 01 03
8	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	Rắn	90	15 01 02
9	Dung môi thải	Lỏng	20	16 01 01
10	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	2	16 01 06
11	Mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	1,2	08 02 01
<b>Tổng số lượng</b>			<b>1675,2</b>	

**2. Danh sách CTNH phát sinh thường xuyên tại Cửa hàng Phú Tài 1:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu thải	Lỏng	510	17 02 03
2	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	11	18 02 01
3	Ắc quy thải	Rắn	120	19 06 05
4	Chai đựng dầu nhớt	Rắn	56	18 01 03



3	Ấc quy thái	Rắn	100	19 06 05
4	Chai đựng dầu nhớt	Rắn	34	18 01 03
5	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	0,5	16 01 06
6	Phụ tùng đã thay thế, bộ lọc	Rắn	19	15 01 02
7	Mực in có chứa thành phần nguy hại	Rắn	1	08 02 01
Tổng khối lượng			382,5	

## 6. Danh sách CTNH phát sinh thường xuyên tại Cửa hàng Phú Tài 5:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu thải	Lỏng	320	17 02 03
2	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	10	18 02 01
3	Ấc quy thái	Rắn	110	19 06 05
4	Chai đựng dầu nhớt	Rắn	55	18 01 03
5	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	0,5	16 01 06
6	Phụ tùng đã thay thế, bộ lọc	Rắn	22	15 01 02
7	Mực in có chứa thành phần nguy hại	Rắn	1	08 02 01
Tổng khối lượng			518,5	

## 7. Danh sách CTNH phát sinh thường xuyên tại Cửa hàng Phú Tài 6:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu thải	Lỏng	210	17 02 03
2	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	7	18 02 01
3	Ấc quy thái	Rắn	100	19 06 05
4	Chai đựng dầu nhớt	Rắn	35	18 01 03
5	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	0.5	16 01 06
6	Phụ tùng đã thay thế, bộ lọc	Rắn	15	15 01 02
7	Mực in có chứa thành phần nguy hại	Rắn	1	08 02 01
Tổng khối lượng			368,5	

## 8. Danh sách CTNH phát sinh thường xuyên tại Cửa hàng Phú Tài 9:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu thải	Lỏng	405	17 02 03

Lấy

5	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	0,5	16 01 06
6	Phụ tùng đã thay thế, bộ lọc	Rắn	30	15 01 02
7	Mực in có chứa thành phần nguy hại	Rắn	1	08 02 01
Tổng khối lượng			728,5	

## 3. Danh sách CTNH phát sinh thường xuyên tại Cửa hàng Phú Tài 2:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu thải	Lỏng	210	17 02 03
2	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	7	18 02 01
3	Ắc quy thải	Rắn	100	19 06 05
4	Chai đựng dầu nhớt	Rắn	35	18 01 03
5	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	0,5	16 01 06
6	Phụ tùng đã thay thế, bộ lọc	Rắn	15	15 01 02
7	Mực in có chứa thành phần nguy hại	Rắn	1	08 02 01
Tổng khối lượng			368,5	

## 4. Danh sách CTNH phát sinh thường xuyên tại Cửa hàng Phú Tài 3:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu thải	Lỏng	230	17 02 03
2	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	8	18 02 01
3	Ắc quy thải	Rắn	111	19 06 05
4	Chai đựng dầu nhớt	Rắn	36	18 01 03
5	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	0,5	16 01 06
6	Phụ tùng đã thay thế, bộ lọc	Rắn	20	15 01 02
7	Mực in có chứa thành phần nguy hại	Rắn	1	08 02 01
Tổng khối lượng			406,5	

## 5. Danh sách CTNH phát sinh thường xuyên tại Cửa hàng Phú Tài 4:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu thải	Lỏng	220	17 02 03
2	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	8	18 02 01

2	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	11	18 02 01
3	Ắc quy thải	Rắn	125	19 06 05
4	Chai đựng dầu nhớt	Rắn	41	18 01 03
5	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	0,6	16 01 06
6	Phụ tùng đã thay thế, bộ lọc	Rắn	32	15 01 02
7	Mực in có chứa thành phần nguy hại	Rắn	1	08 02 01
Tổng khối lượng			615,6	

## 9. Danh sách CTNH phát sinh thường xuyên tại Cửa hàng Phú Tài 10:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu thải	Lỏng	250	17 02 03
2	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	10	18 02 01
3	Ắc quy thải	Rắn	115	19 06 05
4	Chai đựng dầu nhớt	Rắn	36	18 01 03
5	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	0,5	16 01 06
6	Phụ tùng đã thay thế, bộ lọc	Rắn	25	15 01 02
7	Mực in có chứa thành phần nguy hại	Rắn	1	08 02 01
Tổng khối lượng			437,5	

## 10. Danh sách CTNH phát sinh thường xuyên tại Cửa hàng Phú Tài 11:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu thải	Lỏng	210	17 02 03
2	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	8	18 02 01
3	Ắc quy thải	Rắn	100	19 06 05
4	Chai đựng dầu nhớt	Rắn	34	18 01 03
5	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	0,5	16 01 06
6	Phụ tùng đã thay thế, bộ lọc	Rắn	20	15 01 02
7	Mực in có chứa thành phần nguy hại	Rắn	1	08 02 01
Tổng khối lượng			373,5	

## 11. Danh sách CTNH phát sinh thường xuyên tại Cửa hàng Phú Tài 12:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
----	---------------	--------------------	------------------------------	---------

1	Dầu thải	Lỏng	220	17 02 03
2	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	9	18 02 01
3	Ác quy thải	Rắn	110	19 06 05
4	Chai đựng dầu nhớt	Rắn	30	18 01 03
5	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	0,5	16 01 06
6	Phụ tùng đã thay thế, bộ lọc	Rắn	20	15 01 02
7	Mực in có chứa thành phần nguy hại	Rắn	1	08 02 01
Tổng khối lượng			390,5	

## 12. Danh sách CTNH phát sinh thường xuyên tại Cửa hàng Phú Tài 13:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu thải	Lỏng	150	17 02 03
2	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	6	18 02 01
3	Ác quy thải	Rắn	95	19 06 05
4	Chai đựng dầu nhớt	Rắn	27	18 01 03
5	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	0,5	16 01 06
6	Phụ tùng đã thay thế, bộ lọc	Rắn	15	15 01 02
7	Mực in có chứa thành phần nguy hại	Rắn	1	08 02 01
Tổng khối lượng			294,5	

## 13. Danh sách CTNH phát sinh thường xuyên tại Cửa hàng Phú Tài 17:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu thải	Lỏng	150	17 02 03
2	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	6	18 02 01
3	Ác quy thải	Rắn	95	19 06 05
4	Chai đựng dầu nhớt	Rắn	27	18 01 03
5	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	0,5	16 01 06
6	Phụ tùng đã thay thế, bộ lọc	Rắn	15	15 01 02
7	Mực in có chứa thành phần nguy hại	Rắn	1	08 02 01
Tổng khối lượng			294,5	

Lý Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ**  
**THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ VÀ CHUYỂN GIAO XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI**  
Số: 230501...../HD-XLMTNA-TMIHT

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH ngày 14/6/2005 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2022 được Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại số 1-2-3-4.104.VX của Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp (lần 2) ngày 04/05/2020;
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số 1-2-3-4-5-6.071.VX của Công ty CP môi trường Nghi Sơn do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp (lần 6) ngày 07/06/2021;
- Căn cứ Công văn số 3548/BTNMT- TCMT ngày 02 tháng 07 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chấp thuận chuyển giao chất thải nguy hại giữa Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An và Công ty CP Môi trường Nghi Sơn;
- Căn cứ nhu cầu của Công ty cổ phần Thương mại I – Hà Tĩnh và khả năng thực hiện công việc của Công ty CP Xử lý môi trường Nghệ An;

Hôm nay, ngày 01 tháng 05 năm 2023, tại Văn phòng Công ty cổ phần Thương mại I – Hà Tĩnh, chúng tôi gồm có:

**BÊN A (Bên giao): CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI I - HÀ TĨNH**

Địa chỉ : Số 15 Trần Phú, Phường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Điện thoại : 02393.777999

Mã số thuế : 3000353850

Người đại diện : Ông Bùi Văn Hương Chức vụ: Giám đốc

**BÊN B (Bên nhận): CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NGHỆ AN.**

Địa chỉ : Xóm 5, xã Hưng Yên Ném, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại : 0982.491.067 Email : nguyensexuan.xlmt@gmail.com

Tài khoản : 0101000997708 tại Ngân hàng Vietcombank, Chi nhánh Nghệ An.

Mã số thuế : 2901070574

Người đại diện : (Ông) Nguyễn Văn Xuân Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại thường trực khi gọi lấy chất thải: Ông Nguyễn Ngọc Tú (0973.692.777)

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý chất thải nguy hại (sau đây viết tắt là CTNH) với những điều khoản sau đây

## ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao CTNH của Bên A để xử lý, tiêu hủy theo quy định của pháp luật hiện hành về thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH.

- Cách thức thu gom CTNH: Bên A thông báo trước (bằng văn bản hoặc điện thoại) cho Bên B trước 03 ngày kể từ ngày thu gom CTNH.
- Địa điểm thu gom CTNH: Tại 10 cửa hàng xe máy Honda và Yamaha phát sinh CTNH của Công ty Cổ phần Thương mại I – Hà Tĩnh (Có danh sách kèm theo tại Phụ lục 01 của Hợp đồng này).
- Địa điểm xử lý CTNH của Bên B: Tại Cơ sở tái chế dầu nhớt thải- Xóm 6, xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.
- Địa điểm chuyển giao xử lý: Công ty CP Môi trường Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Thời hạn của Hợp đồng: 01 năm kể từ ngày ký. Kết thúc thời hạn nói trên các Bên cùng nhau thương lượng về việc ký kết hợp đồng mới. Trường hợp không thỏa thuận được, các Bên sẽ tiến hành nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng.

## ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

### 2.1. Giá trị hợp đồng:

- 2.1.1. Giá trị hợp đồng: **30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng chẵn)/01 lần thu gom cho 10 cơ sở phát sinh chất thải nguy hại của Bên A (có danh sách kèm theo). Giá trị này chưa bao gồm thuế GTGT 10%.**
- 2.1.2. Khối lượng chất thải nguy hại 01 (một) lần thu gom tại các cơ sở của Bên A không vượt quá 2000 kg. Đối với chất thải là dầu nhớt thải sẽ áp dụng không giới hạn khối lượng thu gom, vận chuyển, xử lý.
- 2.1.3. Trường hợp khối lượng chất thải nguy hại phát sinh vượt quá khối lượng 2000 kg/ 01 lần thu gom/ 10 cửa hàng thì ngoài đơn giá khoán ra, chi phí xử lý phát sinh sẽ áp dụng đơn giá thu gom: Số kilogam vượt nhân 15.000 đồng/kg (*Mười lăm nghìn đồng*).
- 2.1.4. Danh mục các loại chất thải nguy hại: Đính kèm Phụ lục 2 của Hợp đồng.

### 2.2. Hình thức thanh toán:

- 2.2.1. Hình thức thanh toán: Việc thanh toán sẽ được thực hiện bằng theo hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Bên B 100% giá trị hợp đồng chậm nhất 10 ngày sau khi nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ bao gồm (tính theo thời điểm xuất hóa đơn):
  - + Hóa đơn giá trị gia tăng;
  - + Đề nghị thanh toán;
  - + Biên bản nghiệm thu khối lượng (có xác nhận đại diện hai bên);
  - + Liên chứng từ chất thải nguy hại số 4.
- 2.2.2. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.
- 2.2.3. Trường hợp nếu Bên A chậm thanh toán cho Bên B quá 30 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán thì Bên A chịu lãi suất chậm trả với mức lãi suất tín dụng quá hạn của Ngân hàng nhà

nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán đối với phần giá trị chưa thanh toán/số ngày chậm thanh toán.

### **ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN**

#### **3.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:**

- Thông báo số lượng, chủng loại chất thải cho Bên B trước khi thu gom vận chuyển. Đảm bảo các loại chất thải nguy hại Bên A chuyển giao cho Bên B có trong Công văn số 3548/BTNMT-TCMT ngày 02/07/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chấp thuận chuyển giao chất thải nguy hại giữa Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An và Công ty CP Môi trường Nghi Sơn (không bao gồm các chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt);
- Tiến hành thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời các chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định. Nơi chứa chất thải phải thuận tiện cho xe ra vào lấy chất thải;
- Hỗ trợ Bên B việc vận chuyển chất thải lên xe trong trường hợp khối lượng thu gom lớn cần phải có phương tiện cơ giới bốc dỡ;
- Đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo với Bên B, tuyệt đối không trộn lẫn các chất thải với nhau. Trường hợp các CTNH không đúng như thông báo với Bên B thì các Bên tiến hành lập biên bản bổ sung chủng loại CTNH cần xử lý theo đúng quy định của pháp luật theo hướng dẫn của Bên B;
- Bên A có trách nhiệm theo dõi giám sát quá trình giao nhận chất thải và phối hợp ký, xác nhận chứng từ chất thải nguy hại do Bên B lập và cung cấp theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT;
- Bên A không chịu bất cứ trách nhiệm nào trước pháp luật đối với chất thải nguy hại đã bàn giao cho Bên B xử lý, khi thu gom có biên bản bàn giao đầy đủ;
- Có quyền yêu cầu bồi thường và phạt vi phạm Hợp đồng theo Điều 6 của Hợp đồng này;
- Có quyền yêu cầu Bên B thực hiện nghiêm túc và đúng các điều khoản của Hợp đồng này;
- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo Điều 2 Hợp đồng này;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### **3.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

- Chịu trách nhiệm bố trí nhân lực, phương tiện đảm bảo yêu cầu của pháp luật và an toàn để bốc dỡ, thu gom chất thải tại khu lưu giữ CTNH của Bên A theo đúng thời gian mà hai bên thỏa thuận;
- Đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ của Bên A và Bên B trong việc thu gom, vận chuyển chất thải;
- Bên B sẽ thu gom chất thải nguy hại của Bên A đã được lưu chứa trong phương tiện, vật chứa chuyên dụng, sau đó vận chuyển đến địa điểm xử lý, chuyển giao xử lý chất thải của Bên B;
- Bên B cam kết lưu giữ, xử lý và chuyển giao chất thải theo đúng với quy định của pháp luật;
- Chuyển trả chứng từ CTNH cho Bên A sau khi chuyển giao xử lý hoàn tất các loại CTNH;
- Trong trường hợp xe hư hỏng, Bên B sẽ thông báo với Bên A và sắp xếp (bố trí) thay thế phương tiện để thu gom CTNH trong vòng 03 ngày làm việc;

- Cùng Bên A xác nhận khối lượng, chất thải thu gom, vận chuyển xử lý;
- Bên B có quyền tạm dừng vận chuyển CTNH của Bên A khi chất thải nguy hại không được phân loại, đóng gói và lưu giữ theo đúng quy định của pháp luật khi Bên B đã thông báo và nhắc nhở nhiều lần. Trường hợp này các Bên tiến hành lập biên bản làm căn cứ xác nhận.
- Có quyền yêu cầu bồi thường và phạt vi phạm Hợp đồng theo Điều 6 của Hợp đồng này;
- Có quyền yêu cầu Bên A thực hiện nghiêm túc và đúng các điều khoản của Hợp đồng này;
- Được Bên A thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo Điều 2 Hợp đồng này;
- Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm với Bên A và trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại do Bên B thực hiện và hồ sơ, chứng từ do Bên B lập, cung cấp cho Bên A. Miễn trừ trách nhiệm cho Bên A và bồi thường cho Bên A trong trường hợp Bên B không tuân thủ pháp luật khi thực hiện cung cấp dịch vụ cho Bên A và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Bên A.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### **ĐIỀU 4: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG VÀ ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

##### **4.1. Hợp đồng này sẽ được coi là chấm dứt trong các trường hợp sau:**

- 4.1.1. Kết thúc thời hạn của Hợp đồng và các bên hoàn thành mọi nghĩa vụ liên quan bao gồm: Nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ bồi thường (nếu có) và nghĩa vụ bảo mật thông tin và không phát sinh tranh chấp.
- 4.1.2. Các bên thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn;
- 4.1.3. Một trong hai bên bị giải thể, phá sản hoặc bị đình chỉ hoạt động. Trong trường hợp này cách thức chấm dứt Hợp đồng sẽ do các bên thỏa thuận trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam.

##### **4.2. Đơn phương chấm dứt, tạm dừng hợp đồng**

Mỗi bên có quyền đơn phương chấm dứt hoặc tạm dừng Hợp đồng nếu bên kia không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định của hợp đồng và không đưa ra biện pháp khắc phục phù hợp trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo nêu rõ vi phạm. Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng thực hiện Hợp đồng phải thông báo ngay bằng văn bản cho Bên kia biết. Khi đó, hai Bên sẽ tiến hành lập biên bản xác định các nghĩa vụ cần hoàn tất, bồi thường thiệt hại cho Bên kia (nếu có) và thanh lý Hợp đồng.

#### **ĐIỀU 5 : TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG**

- 5.1. Sự kiện bất khả kháng là tất cả những sự kiện vượt khả năng kiểm soát của các bên, không thể biết trước được tại thời điểm ký hợp đồng, không có sẵn và không thể khắc phục, làm cản trở toàn bộ hay một phần việc thực hiện nghĩa vụ của bất cứ bên nào. Những sự kiện này bao gồm động đất, bão lớn, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh và những hành động của Chính phủ hoặc công chúng, bệnh dịch, nổi loạn, đình công hoặc bất cứ sự việc nào không



thể biết trước, không thể ngăn cản hoặc kiểm soát được, bao gồm những sự kiện được xác định là sự kiện bất khả kháng theo quy định pháp luật.

5.2. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng dẫn đến các bên không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các điều khoản của hợp đồng thì các bên không phải chịu trách nhiệm về việc không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các điều khoản của hợp đồng với điều kiện bên bị ảnh hưởng đã cố gắng và nỗ lực khắc phục hậu quả để thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 6 : BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

### **6.1. Bồi thường thiệt hại:**

6.1.1. Nguyên tắc bồi thường: Căn cứ trên thiệt hại và lỗi của bên vi phạm. Áp dụng ngang nhau cho các bên vi phạm.

6.1.2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này bên nào thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ dẫn đến gây thiệt hại cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bên còn lại hoặc bên thứ ba liên quan (nếu có).

### **6.2. Phạt vi phạm Hợp đồng:**

6.2.1. Phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong Hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm.

6.2.2. Mức phạt vi phạm bằng 8% tổng giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm.

## **ĐIỀU 7: PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

Trường hợp phát sinh tranh chấp từ nội dung hợp đồng này các bên cùng thương lượng hòa giải trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau. Mọi tranh chấp xảy ra nếu không cùng nhau thương lượng giải quyết sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi Bên A đặt trụ sở để phân xử, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án là quyết định cuối cùng để hai Bên cùng tuân thủ. Các chi phí về kiểm tra, xác minh và lệ phí tòa án do Bên thua kiện chịu.

## **ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

8.1. Bất kỳ sự thay đổi bổ sung nào đối với hợp đồng này đều được lập thành văn bản với sự thỏa thuận giữa hai bên và là một phần không tách rời Hợp đồng này.

8.2. Nếu một hay nhiều các điều khoản trong Hợp Đồng bị vô hiệu thì các điều khoản khác ghi trong Hợp Đồng, Phụ lục Hợp đồng vẫn có hiệu lực và không bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, trong trường hợp đó, theo sự chấp thuận giữa Các Bên, các điều khoản này sẽ được thay thế thành các điều khoản mới hay được điều chỉnh sao cho Hợp Đồng vẫn có thể diễn tả mục đích cơ bản của Các Bên;

8.3. Mỗi Bên bảo đảm rằng tất cả hồ sơ pháp lý liên quan đến Hợp đồng này sẽ tiếp tục đúng từ khi ký Hợp đồng đến khi nào Hợp Đồng này còn hiệu lực. Nếu có bất kỳ thay đổi nào làm

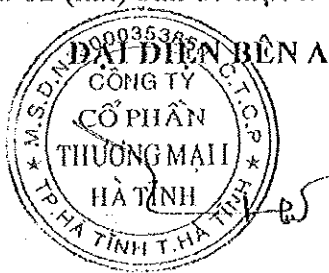
SS  
TY  
ÂN  
MẠ  
NH  
C.V.P

thay đổi khả năng thực hiện Hợp đồng thì bên thay đổi phải thông báo cho bên còn lại và bổ sung điều chỉnh để cùng thực hiện Hợp đồng;

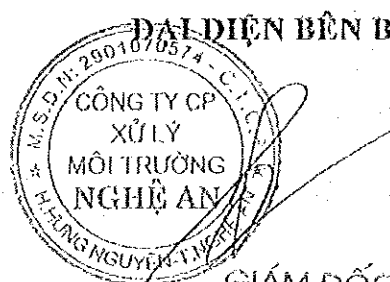
8.4. Các văn bản, tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này là một phần không tách rời Hợp đồng.

8.5. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký;

8.6. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện.



GIÁM ĐỐC  
*Bùi Văn Hương*



GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Văn Xuân*

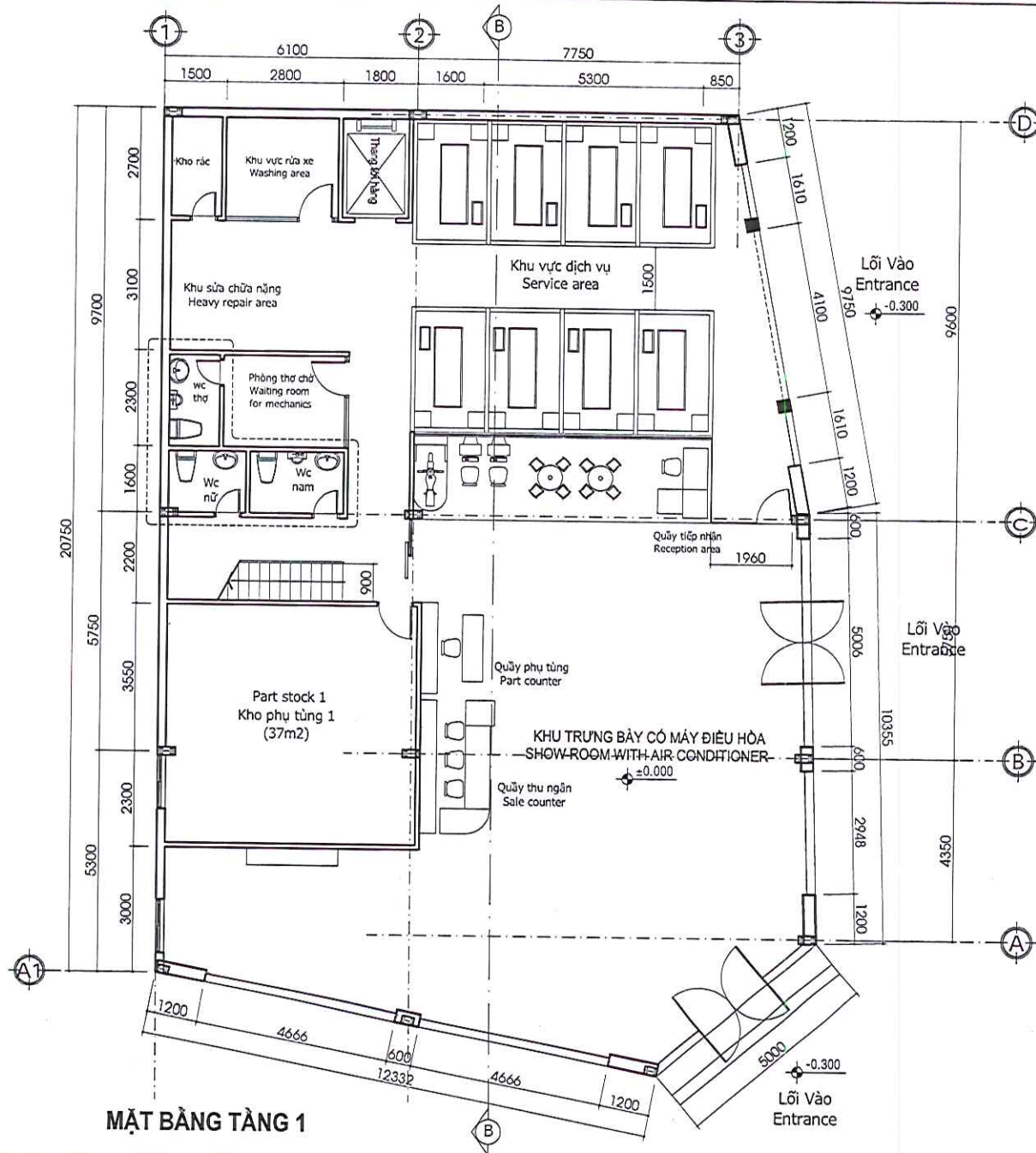
**PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ PHÁT SINH CHẤT THÁI NGUY HẠI  
CỦA CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI I - HÀ TĨNH**

(Kèm theo Hợp đồng kinh tế số: 05/HD-XLMTNA-TMI HT ngày 13/12/2023)

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ cơ sở
1	Cửa hàng Phú Tài 1	Số 09, đường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
2	Cửa hàng Phú Tài 2	Khối 1, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
3	Cửa hàng Phú Tài 3	Số 96 đường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
4	Cửa hàng Phú Tài 4	Khối phố 7, thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
5	Cửa hàng Phú Tài 5	Số 183, đường Hà Huy Tập, thị trấn Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
6	Cửa hàng Phú Tài 6	Tổ dân phố Hưng Lợi, phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
7	Cửa hàng Phú Tài 9	Số 302 Lê Đại Hành, phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
8	Cửa hàng Phú Tài 10	Số 120, đường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
9	Cửa hàng Phú Tài 12	Khối 12, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
10	Cửa hàng Phú Tài 13	Khối 8, thị trấn Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh

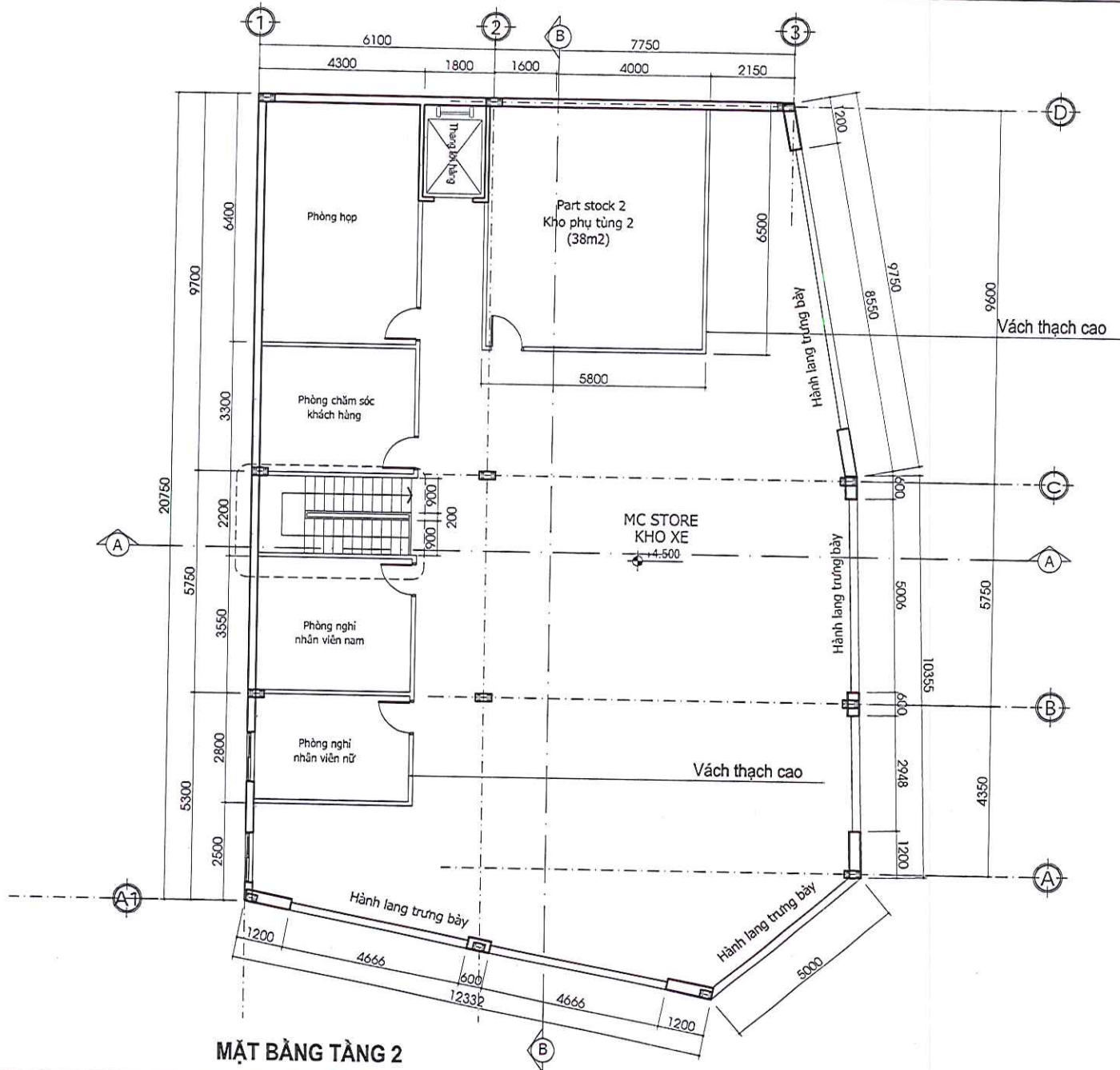
*[Handwritten signature]*

*[Circular stamp]*



**MẶT BẰNG TẦNG 1**

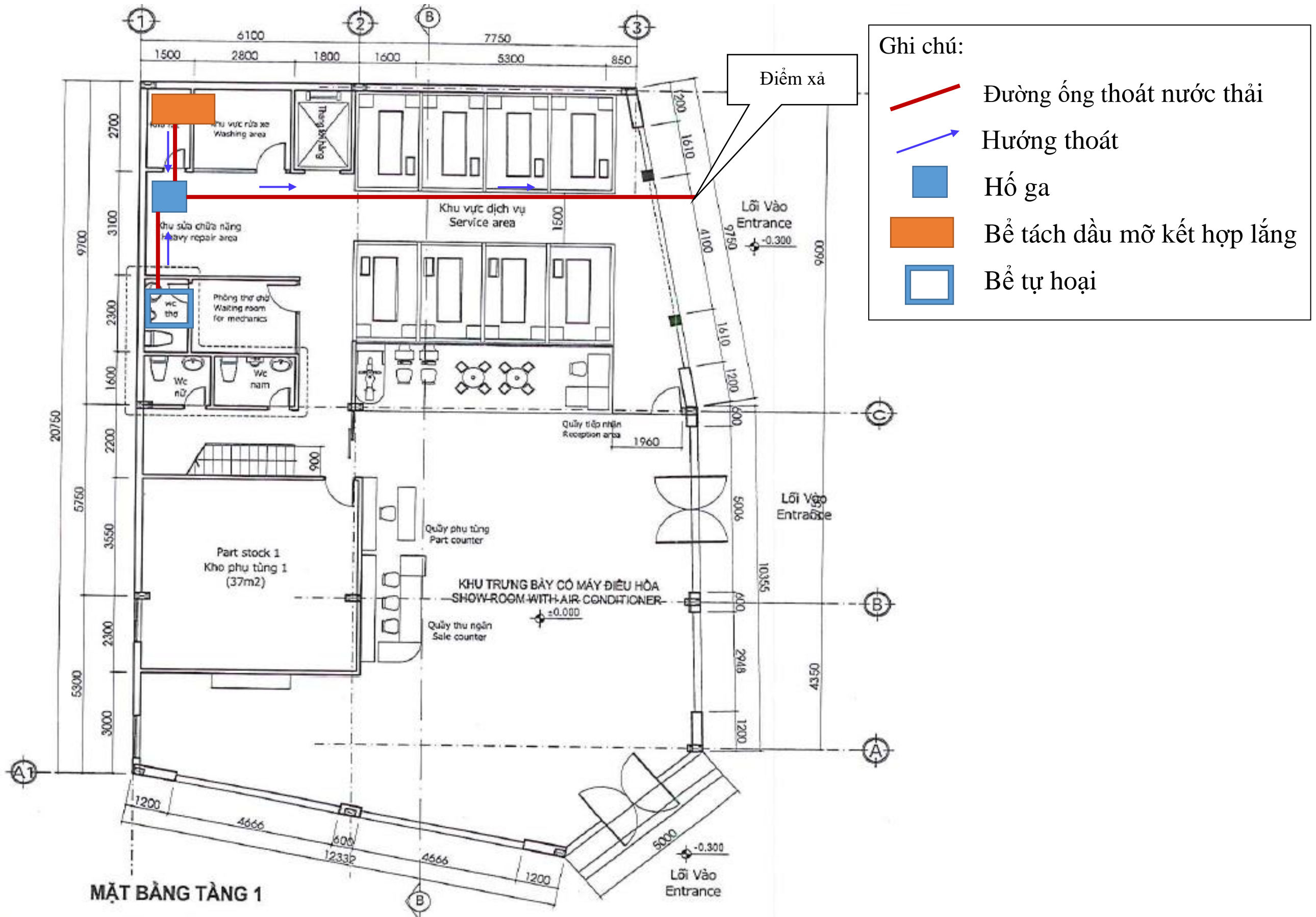
TỌA ĐỘ HỒ SƠ THIẾT KẾ THUỘC SỞ HỮU CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỊNH TIẾN PHÁT VÀ KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG NẾU KHÔNG CÓ SỰ ĐỒNG Ý ĐĂNG VĂN BẢN	
ALL DESIGNED DOCUMENTS AND SPECIFICATIONS ARE THE PROPERTY OF THỊNH TIẾN PHÁT J.S.C AND CAN NOT BE USED WITHOUT THEIR WRITTEN PERMISSION	
REV	DATE
A	05.01.11
PHÁT HÀNH ĐẦU TIÊN - FIRST ISSUE	
SỰ DIỄN GIẢI - DESCRIPTION	
SỰ SỬA ĐỔI - REVISION	
BẢN VẼ THI CÔNG	
CHỦ ĐẦU TƯ: CLIENT:	
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI 1 HÀ TỈNH	
CHẤP THUẬN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ: EMPLOYER'S APPROVAL:	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ - DESIGNING COMPANY	
THỊNH TIẾN PHÁT J.S.C CÔNG TY CỔ PHẦN THỊNH TIẾN PHÁT	
ĐỊA CHỈ: 05 TIẾN SƠN 8 - QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ SA HẠNG, VIỆT NAM TEL: 0911 3624479 - FAX: 0911 3624478	
GIÁM ĐỐC DIRECTOR	
Eng. PHAN THANH TUAN	
CHỦ THIẾT KẾ CHIEF OF ARCHITECT	Eng. TRẦN THANH TIẾN
THIẾT KẾ DESIGN	Eng. TRẦN THANH TIẾN
VẼ KỸ THUẬT DRAW	Arch. TRẦN VIỆT HOÀN
QUẢN LÝ KỸ THUẬT CHECK BY	Arch. LÊ QUỐC BẢO
CÔNG TRÌNH: PROJECT:	
CỬA HÀNG XE MÁY PHÚ TÀI 5	
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: TỈNH HÀ TỈNH	
HẠNG MỤC: ITEM:	
TÊN BẢN VẼ: DRAWING TITLE:	
MẶT BẰNG TẦNG 1	
TỈ LỆ - SCALE	NGÀY PHÁT HÀNH GẦN NHẤT
1/100	05-03-2018
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NUMBER	REV. CO.
H1 H1 1 - A	0 2 / 1 2,4 A T T P



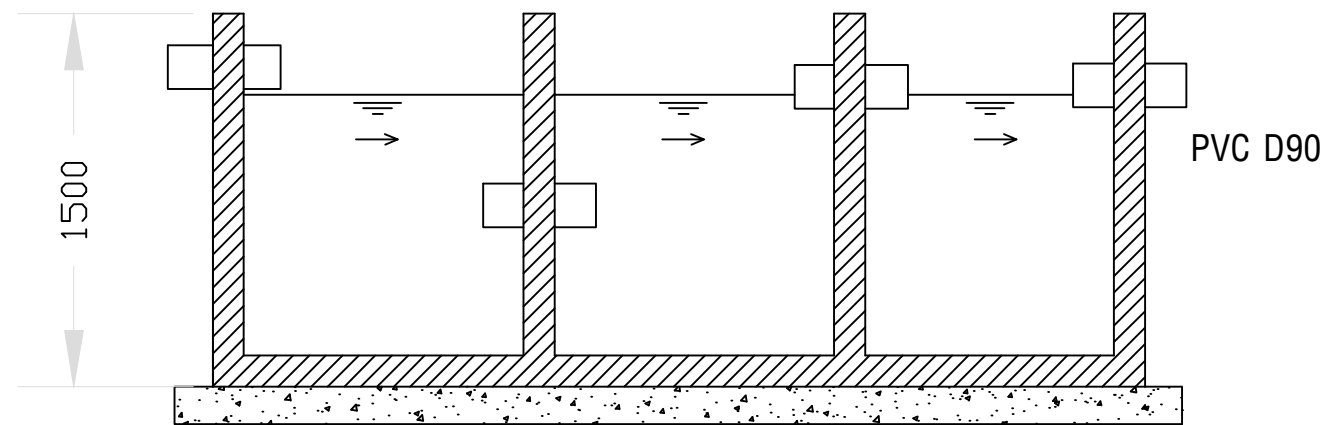
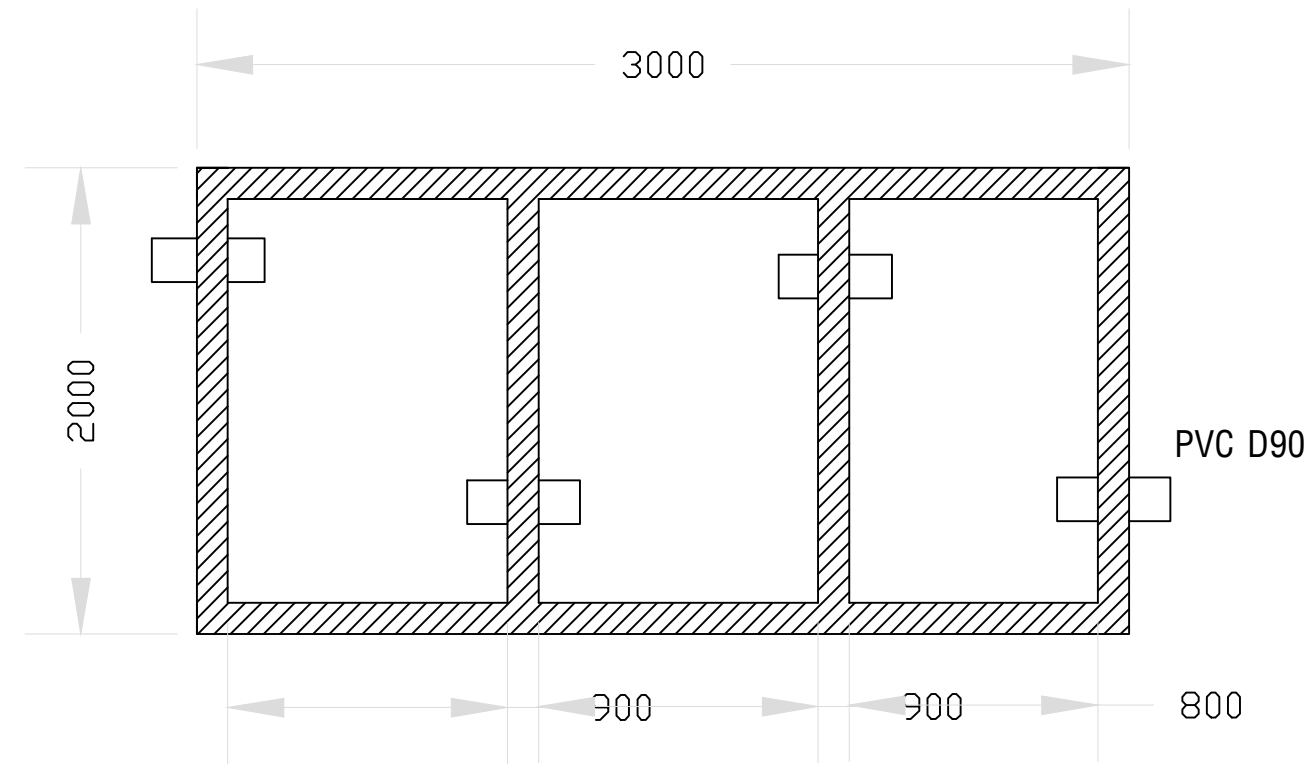
**MẶT BẰNG TẦNG 2**

TOÀN BỘ HỒ SƠ THIẾT KẾ THUỘC SỞ HỮU CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỊNH TIẾN PHÁT VÀ KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG NẾU KHÔNG CÓ SỰ ĐỒNG Ý ĐĂNG KÝ BAN		
ALL DESIGNED DOCUMENTS AND SPECIFICATIONS ARE THE PROPERTY OF THỊNH TIẾN PHÁT J.S.C AND CAN NOT BE USED WITHOUT THEIR WRITTEN PERMISSION		
A	05.01.11 PHẤT HÀNH ĐẦU TIÊN - FIRST ISSUE	
REV	DATE SỰ DIỄN GIẢI - DESCRIPTION	
SỰ SỬA ĐỔI - REVISION		
BẢN VẼ THI CÔNG		
CHỦ ĐẦU TƯ : CLIENT :		
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI 1 HÀ TĨNH		
CHẤP THẬN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ : EMPLOYER'S APPROVAL :		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ - DESIGNING COMPANY		
THỊNH TIẾN PHÁT J.S.C CÔNG TY CỔ PHẦN THỊNH TIẾN PHÁT		
ĐỊA CHỈ: 09 TIẾN SƠN 8 - QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG, VIỆT NAM TEL : 0911 3624479 - FAX : 0911 3624478		
GIÁM ĐỐC DIRECTOR		
		
Eng. PHAN THANH TUAN		
CHỦ TRƯ THIẾT KẾ CHIEF OF ARCHITECT	Eng. TRẦN THANH TIẾN 	
THIẾT KẾ DESIGN	Eng. TRẦN THANH TIẾN 	
VẼ KỸ THUẬT DRAW	Arch. TRẦN VIỆT HOÀN 	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT CHECK BY	Arch. LÊ QUỐC BẢO 	
CÔNG TRÌNH: PROJECT:		
CỬA HÀNG XE MÁY PHỤ TÀI 5		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: TỈNH HÀ TĨNH		
HẠNG MỤC: ITEM :		
TÊN BẢN VẼ: DRAWING TITLE :		
MẶT BẰNG TẦNG 2		
TỈ LỆ - SCALE	NGÀY PHÁT HÀNH BẢN NHẬT	
1/100	05-03-2018	
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NUMBER	REV.	CO.
H   H   1   -   A   0   2   /   1   2   4	A	T   T   P

**SƠ ĐỒ THU GOM, THOÁT NƯỚC THẢI**  
**CỬA HÀNG XE MÁY PHỤ TÀI ĐỨC 5 TẠI THỊ TRẤN CẨM XUYÊN, HUYỆN CẨM XUYÊN, TỈNH HÀ TĨNH**



# BẢN VẼ BỂ TÁCH DẦU MỠ KẾT HỢP LẮNG





HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM  
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,  
TP. Hà Nội

Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện  
Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: [haticovietnam2016@gmail.com](mailto:haticovietnam2016@gmail.com)

Số: 02592/2024/PKQ/24.357



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG HÀ TỈNH  
Địa chỉ : Số 3, ngõ 13, đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh  
Địa điểm quan trắc : Cửa hàng Phú Tài Đức 5 - Số 183 Đường Hà Huy Tập, Thị trấn Cẩm  
Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh  
Vị trí lấy mẫu : NT.200524-014- Nước thải sau xử lý, X=2018 608, Y=0552 876  
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01  
Ngày lấy mẫu : 20/05/2024 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 03/06/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				NT
1	pH <sup>(b)</sup>	-	TCVN 6492:2011	7,1
2	Tổng dầu mỡ khoáng <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,4
3	BOD <sub>5</sub> (20°C) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2021	5
4	COD <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2023	12,5
5	SS <sup>(b)</sup>	mg/l	TCVN 6625:2000	22
6	Tổng Nitơ <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6638:2000	15,3
7	Tổng phosphor <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6202:2008	1,53
8	Amoni (tính theo N) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 5988:1995	2,6
9	Sunfua <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6637:2000	0,12
10	Coliform <sup>(b)</sup>	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	2.000

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Duyên

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh

Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2024

GIÁM ĐỐC

ThS. Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định  
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimecerts  
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ  
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas  
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội  
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm  
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.